

Số: 566/XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị : **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS)**

2. Mã chứng khoán : **PVX**

3. Trụ sở chính : Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ngô Thị Thu Hoài**

6. Địa chỉ thường trú: Khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290

8. Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

9. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2023 của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

10. Địa chỉ Website đăng tải Báo cáo: <http://pvc.vn/> <http://petrocons.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS PETROCONS (b/c);
- Tổng Giám đốc PETROCONS (b/c);
- Người PT quản trị kiêm thư ký Công ty;
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Ngô Thị Thu Hoài

BÁO CÁO

Thường niên năm 2023

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

* Tên công ty bằng tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

* Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

* Tên công ty viết tắt: PETROCONS

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng.

* Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

* Số điện thoại: 0243.7689291

* Số fax: 0243.7689290

* Website: www.pvc.vn/ www.petrocons.vn

* Mã cổ phiếu: PVX



2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 40 năm qua, PETROCONS nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- **14/9/1983**, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bên cảng, bãi để cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hố chôn bùn khoan.

- **19/9/1995**, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- **1/4/2006**, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- **26/10/2007**, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC/PETROCONS)**.

- **19/8/2008**, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **2010**, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trọng lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- **1/2013**, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

- **20/01/2022**, Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK thông qua việc đổi tên viết tắt của Tổng công ty từ PVC thành PETROCONS và Bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- **18/01/2024**, PETROCONS đã thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 22 (Đăng ký kinh doanh lần đầu là ngày 20/12/2007).

Trải qua 40 năm hình thành và phát triển, PETROCONS đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và gần nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sà lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn dầu giếng DH01 - Dự án phát triển mỏ Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HB số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày 16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023... đều ghi dấu vai trò quan trọng của PETROCONS.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PETROCONS đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II, ... Các công trình này đến nay đều đã được hoàn thành, bàn giao và đi vào hoạt động.

Đặc biệt, PETROCONS tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PETROCONS thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt

Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sàn lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn đầu giếng DH01 - Dự án phát triển mỏ Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HD số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày 16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023...

PETROCONs không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị dầu khí...

PETROCONs còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PETROCONs có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Tòa nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của Đất nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

3.1 Ngành nghề:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PETROCONs là doanh nghiệp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PETROCONs trong 40 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PETROCONs còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện.

c. Xây dựng dân dụng

PETROCONS đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PETROCONS còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới.

d. Sản xuất công nghiệp

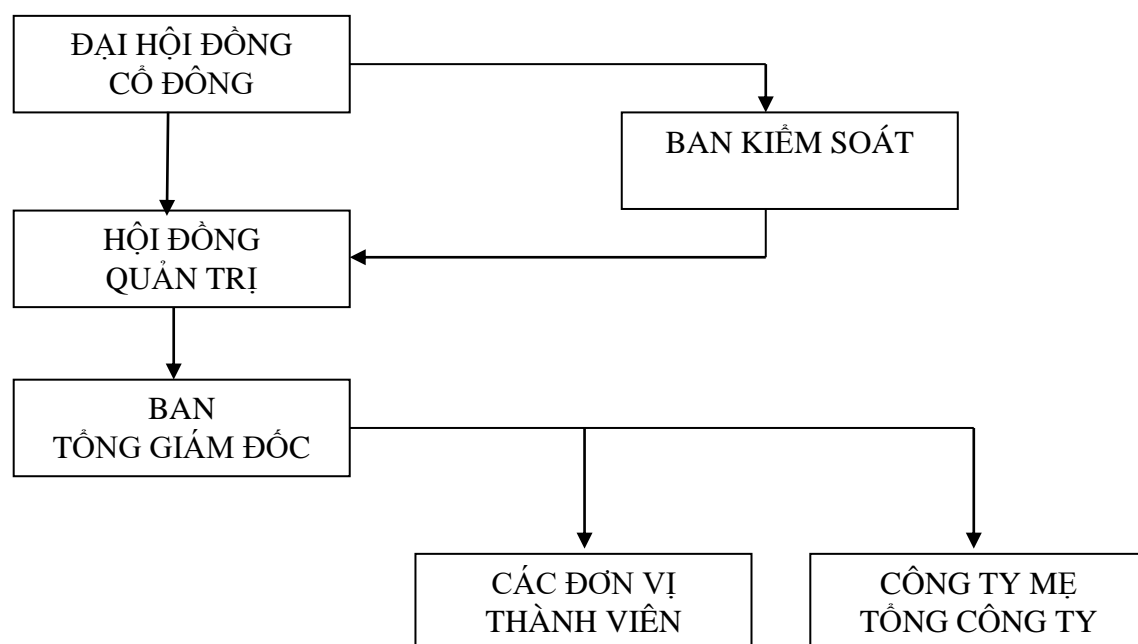
Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PETROCONS chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí).

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của PETROCONS bao gồm xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng trải rộng trong cả nước. Trong các năm gần đây tập trung doanh thu chủ yếu ở Thái Bình (dự án NMNĐ Thái Bình 2) và Hậu Giang (dự án NMNĐ Sông Hậu 1), các dự án liên quan đến lắp đặt giàn khoan, chân đế...

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết. đầu tư tài chính:

Stt	Tên Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PETROCONS	Lĩnh vực SXKD chính
I	Các Công ty con/chi phối				
1	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	600	50,97%	Khảo sát, tư vấn, thiết kế và bán buôn các thiết bị, máy móc liên quan công trình dầu khí; Gia công cơ khí ...
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	Số 35G đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	200	51%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công tác công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hoá lỏng...
3	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Số 35D đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	300	51%	Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng...; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; Đầu tư xây lắp các công trình Dầu khí; Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị...
4	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	Số 458 đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	450	72,22%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh BDS...
5	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	Tầng 2 tòa nhà Dolphin Plaza 28 Trần Bình - Mỹ Đình -Hà Nội	500	34,87%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh BDS; XD các công trình kỹ thuật dân dụng khác; XD công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	Số 33, Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	365,5	46,51%	Gia công cơ khí; Thoát nước và xử lý nước thải; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...
7	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Lô D khu đô thị Dầu khí, Ngô Quyền, P1, Cà Mau	280,689	53,44%	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản...
II	Các Công ty liên kết, đầu tư tài chính				
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	300	35,83%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng trong và ngoài ngành dầu khí, sản xuất gia công kim loại; Kinh doanh bất động sản...
2	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới	Tầng 4 toà nhà Sannam - phường Dịch	500	40%	Thi công xây dựng các công trình dầu khí, các công trình công nghiệp và dân

	và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội			dụng, cảng sông, cảng biển; Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng, nền móng của toà nhà...
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	Tầng 4 khách sạn Dầu khí, số 427 đường Đà Nẵng - P. Đông Hải 1 - Q.Hải An - Hải Phòng	136,732.5	42,46%	Kinh doanh khách sạn; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, khu công nghiệp, giao thông thủy lợi, khu đô thị, hạ tầng cơ sở...
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Tầng 10 tòa nhà PVFC Land - 38A đại lộ Lê Lợi - TP.Thanh Hóa	210	36%	Đầu tư xây dựng (khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng, khách sạn...); Kinh doanh bất động sản; Sản xuất VLXD, Cơ khí...
5	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	KĐT mới Đông Hương - TP.Thanh Hóa	190	30%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Hoạt động tổ chức các sự kiện; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Kinh doanh bất động sản...
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Tầng 9 tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí Đà Nẵng - Lô A2.1 đường 30/4, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	150	48,27%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
7	Công ty Cổ phần thiết kế quốc tế Heerim PVC	P.1401 A2 khu Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Hà Nội	8,5	44%	Thiết kế, giám sát, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng...
8	Công ty Cổ phần TM và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	Số 12 ngách 15/10 phố Pháo Đài Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	3,6	97,22%	Truyền thông, Tổ chức sự kiện, thương mại
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC-ID)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	40	49,98%	Đầu tư xây dựng, trang trí nội ngoại thất công trình...
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	Nhà A2/07 Tòa nhà PVNC2-CT2, Số 6 đường Nguyễn Quốc Trị, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Nghệ An	218,46	22,64%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng và công nghiệp; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	Số 02 Nguyễn Gia Thiều P6, Q3, TP.Hồ Chí Minh	350	24,72%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ kèm theo...
12	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	280 Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	150	15,67%	Thiết kế, xây dựng công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình cấp thoát nước; San lắp mặt bằng; trang trí nội ngoại thất, kinh doanh VLXD; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng...
13	Công ty CP Tập đoàn Trường Sơn	Số 251A, đường Quang Trung, phường Phú Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	75,13	3,99%	Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; thủy lợi, đê kè, bến cảng, cầu cảng; san lắp mặt bằng; Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng...

14	Công ty CP xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất - Hoành Bồ - Quảng Ninh	1.945,095	7,58%	Sản xuất, kinh doanh xi măng; Khai thác nguyên, nhiên vật liệu và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng...
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cảng và hạ tầng Việt Nam (VIPICO)	P1206 tòa nhà 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân chính, Cầu Giấy, Hà Nội	250	5%	Sản xuất, mua bán gang thép; Khai thác và chế biến mua bán khoáng sản; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện; Mua bán VLXD, đồ trang trí nội, ngoại thất, thiết bị vệ sinh...
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	A4 lô 11 Định Công, Hà Nội	25	10%	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Trang trí nội, ngoại thất công trình...
17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Số 1 Đồng Tiến, cụm Công nghiệp An Xá, Nam Định	55,9	5%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất gia công cơ khí; Sản lắp đặt bằng...
18	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Tầng 5, P502, Số 60 Lê Trung Nghĩa, P12, Q. Tân Bình, TP.HCM	70	20,86%	Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị trong xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng...

5. Định hướng phát triển của PETROCONS:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của PETROCONS:

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, lợi thế hiện có của PETROCONS và các đơn vị; thu gọn mô hình tổ chức SXKD, tập trung và ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Khôi phục hoạt động SXKD của PETROCONS, đạt mục tiêu có lợi nhuận và có lộ trình hoàn vốn điều lệ; từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONS trong lĩnh vực thi công xây lắp và các lĩnh vực kinh doanh khác của Tổng công ty.

- Xây dựng PETROCONS trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật có năng lực, trình độ kỹ thuật cao, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình dầu khí.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục xác định ngành nghề kinh doanh chính của PETROCONS là thi công xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Trong đó, Công ty mẹ PETROCONS là tổng thầu EPC các công trình, trực tiếp tổ chức quản lý, điều hành và triển khai các dự án mà PETROCONS là tổng thầu/Nhà thầu.

- Nâng cao năng lực thiết kế, mua sắm để chủ động hơn nữa trong công tác quản lý, thực hiện các phần việc thiết kế, mua sắm trong các phần việc của tổng thầu EPC.

- Sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả để có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề then chốt và các dự án trọng điểm, từng bước xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh tại thị trường trong nước và dần mở rộng ra thị trường ngoài nước.

- Tổ chức sắp xếp, thu gọn các đơn vị thành viên/các công ty con theo hướng chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của PETROCONs, phân đấu các đơn vị thành viên tự chủ trong hoạt động SXKD không tạo sự cạnh tranh về thị trường giữa các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030: Giữ vững nguồn việc ổn định, phát triển và tăng trưởng các chỉ tiêu sản lượng doanh thu. Từng bước đưa PETROCONs trở thành đơn vị xây lắp chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong nước.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2031-2035: Tiếp tục giữ vững tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, mở rộng thị trường ra ngoài nước. Khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONs trong lĩnh vực tổng thầu EPC thi công xây lắp trong nước.

6. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2023

6.1 Rủi ro từ bên ngoài:

- Rủi ro về kinh tế vĩ mô:

Trái với những dự đoán trước đó, kinh tế toàn cầu trong năm 2023 phục hồi yếu và không đồng đều giữa các nền kinh tế chủ chốt. Hoạt động sản xuất suy giảm, từ sản lượng công nghiệp đến vốn đầu tư và thương mại quốc tế, phản ánh tác động kết hợp của xu hướng chuyển dịch tiêu dùng sau đại dịch sang dịch vụ. Bất ổn địa chính trị gia tăng, lạm phát giảm chậm buộc hầu hết các nước vẫn tiếp tục thực hiện thắt chặt tiền tệ. Kinh tế thế giới năm 2024 được dự báo sẽ phục hồi yếu và sẽ đối mặt với nhiều rủi ro thách thức lớn do những diễn biến phức tạp sau thời kỳ Covid-19. Các rủi ro mới của kinh tế thế giới, trong đó chủ yếu là bất ổn địa chính trị và cạnh tranh giữa các nước lớn, tiếp tục tạo ra những thay đổi và tác động đến nền kinh tế toàn cầu trong trung và dài hạn.

Giá dầu tăng liên tiếp trong 10 tháng đầu năm 2023. Trong đó, giá dầu Brent ngày 10/8/2023 đã đạt mức hơn 88 USD/thùng, mức cao nhất kể từ tháng 01/2023. Từ tháng 11/2023, giá dầu giảm liên tiếp, còn 80 USD/thùng vào tháng 11/2023 và 69,38 USD/thùng ngày 7/12/2023 do lo ngại nhu cầu yếu và nguồn cung từ Mỹ có xu hướng gia tăng. Hơn một năm khi cuộc chiến Nga – Ukraine xảy ra, thị trường dầu mỏ toàn cầu trở nên thiếu chắc chắn và phân mảnh hơn. Các biện pháp trừng phạt Nga đã khiến gần 20% nguồn cung dầu mỏ toàn cầu bị cắt khỏi các thị trường lớn. EU phụ thuộc nhiều hơn vào năng lượng từ Trung Đông và Mỹ với chi phí nhập khẩu tăng, trong khi Trung Quốc và Ấn Độ có thể tiếp cận nguồn năng lượng giá rẻ hơn từ Nga.

Giá lương thực và kim loại thế giới tiếp tục tăng trong năm 2023: Do ảnh hưởng từ thiếu hụt nguồn cung do hiện tượng thời tiết El Nino xuất hiện sớm trong năm 2023 tại châu Á, châu Phi (đặc biệt Somalia, Ethiopia và Kenya đang phải chịu tình trạng hạn hán tồi tệ nhất trong nhiều thập niên), Trung Quốc làm nguồn cung bị ảnh hưởng, trong khi đó Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo non-basmati đẩy giá gạo thế giới tăng vọt lên mức cao nhất 15 năm. Giá kim loại thế giới tăng

trong cả năm 2023 nhờ đà tăng giá của quặng sắt, đồng và thép. Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong 11 tháng đầu năm 2023 tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước, lên 1,1 tỉ tấn, trong đó nhập khẩu tháng 11/2023 tăng 3,4% so với tháng trước đó. Giá vàng thế giới cũng theo xu hướng tăng mạnh, đặc biệt tháng 12 lên sát 2.040 USD/ounce sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ nguyên lãi suất.

Kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2023 với nhiều khó khăn, khi mục tiêu tăng trưởng GDP ước đạt 5%, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu Quốc hội đã đề ra đầu năm ở mức 6%-6,5%.

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, giá cả vật tư, vật liệu, nhiên liệu... cũng như chính sách phát triển sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của PETROCONs nói riêng. Tuy lãi suất cho vay bình quân các ngân hàng thương mại đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ tăng đã giảm hơn so với năm 2022 nhưng việc được chấp thuận cho vay và giải ngân lại không thuận lợi làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư các dự án của chủ đầu tư, nhiều chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn đã dừng/ giãn tiến độ triển khai dự án, tác động gián tiếp đến nguồn việc của các doanh nghiệp xây lắp nói chung và của PETROCONs nói riêng.

Rủi ro đặc thù:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của PETROCONs là xây dựng- là ngành sản xuất kinh doanh phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro có thể kể đến như: rủi ro từ nguồn thanh toán của chủ đầu tư, rủi ro về thanh toán, rủi ro phát sinh từ yếu tố cạnh tranh, rủi ro về nhân sự, rủi ro về an toàn lao động,...

- Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, PETROCONs cũng luôn phải đối mặt với các rủi ro không lường trước như thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, cháy nổ. Đây là những rủi ro hiếm xảy ra nhưng đòi hỏi doanh nghiệp luôn phải chủ động có phương án phòng ngừa, khắc phục rủi ro thông qua mua bảo hiểm cho nhân viên, tài sản,...

6.2 Rủi ro nội tại:

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn. Gốc vay ủy thác còn phải trả đến 31/12/2023 là 575,67 tỷ đồng, trong đó: các đơn vị sử dụng: 344,67 tỷ đồng; Công ty mẹ PETROCONs sử dụng 230,99 tỷ đồng. Lãi phải trả đến 31/12/2023 là 162,595 tỷ đồng. Các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả, một số đơn vị của PETROCONs đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PETROCONs khó có khả năng thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn.

- Tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2: PETROCONs đối diện với các rủi ro tiềm ẩn, chưa lường hết như: i) Rủi ro phát sinh chi phí do dự án chậm tiến độ và chậm điều chỉnh Hợp đồng EPC; ii) PETROCONs có thể phải đối diện với việc bị phạt hợp đồng với các nhà thầu phụ do chậm thanh toán vì PETROCONs thiếu

hụt dòng tiền và dự án bị điều chỉnh tiến độ; iii) Những vướng mắc liên quan tới công tác gia hạn hợp đồng với SDC, hợp đồng chạy thử,... nếu không được giải quyết những rủi ro tiềm ẩn này có nguy cơ cao gây lỗ cho PETROCONS. Hiện nay, các khoản chi phí này chưa được các bên thống nhất số liệu.

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex, dự án Lô B – Ô môn,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán như đã trình bày ở trên. Tổng các nghĩa vụ bảo lãnh của PETROCONS đến nay là 266,846 tỷ đồng.

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PETROCONS từ các khoản đầu tư tài chính như đã trình bày ở trên. Hầu hết các đơn vị đều đối diện với việc kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PETROCONS tại 31/12/2023 là 1.742,67 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.719,77 tỷ đồng và phải thu dài hạn là 22,893 tỷ đồng. Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi (ngắn hạn) là 925,88 tỷ đồng. PETROCONS cũng đối diện với tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong các năm tiếp theo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ HTKH năm 2023	Tỷ lệ TH 2023/TH 2022
1	Giá trị SXKD					
	Hợp nhất	1.494,59	1.500,00	912,38	61%	61%
	Công ty mẹ	956,30	770,00	441,36	57%	46%
2	Tổng doanh thu					
	Hợp nhất	1.821,56	1.886,00	1.237,96	66%	68%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ HTKH năm 2023	Tỷ lệ TH 2023/TH 2022
	Công ty mẹ	1.287,54	1.230,00	765,74	62%	59%
3	Lợi nhuận trước thuế					
	Hợp nhất	2,70	-	(267,12)		
	Công ty mẹ	53,00	-	(162,65)		
4	Lợi nhuận sau thuế					
	Hợp nhất	2,93	-	(265,22)		
	Công ty mẹ	52,30	-	(162,65)		

(*) Số liệu thực hiện năm 2023 được cập nhật theo BCTC kiểm toán năm 2023 của Hợp nhất và Công ty mẹ.

- Trong năm 2023, PETROCONs tập trung dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2, đây cũng là dự án mang lại sản lượng - doanh thu chính của số liệu Hợp nhất và Công ty mẹ. Tuy nhiên, kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 của toàn Tổ hợp và Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch doanh thu, sản lượng đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do: toàn bộ các dự án mới dự kiến năm 2023 theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm gồm: Khu nhà điều hành và nhà ở CBCNV thuộc Dự án Sông Hậu 1, NMSX LPG Yên Hưng 1, NMSX Polypropylene Phú Mỹ (kế hoạch tổng giá trị sản lượng các dự án mới 376 tỷ đồng và doanh thu 271 tỷ đồng) do nhiều vướng mắc từ phía chủ đầu tư, các dự án này đều chưa thể triển khai và trượt tiến độ đấu thầu sang các năm sau. Bên cạnh đó, kế hoạch doanh thu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 không hoàn thành do một số hạng mục triển khai còn chậm, công tác hoàn thiện hồ sơ còn nhiều hạn chế, một số mốc công việc phân xây dựng chưa thống nhất được đơn giá thanh toán với Chủ đầu tư. Ngoài ra, tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1, do vướng mắc về việc thống nhất điều chỉnh đơn giá với nhà thầu, công tác phê duyệt dự toán của Chủ đầu tư còn chậm dẫn đến chưa hoàn thành thanh quyết toán dự án trong năm 2023.

- Trong năm 2023, đã hoàn thành chạy thử và bàn giao cho Chủ đầu tư tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 27/4/2023 và đưa vào sử dụng 2 tổ máy dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận, trong 7 đơn vị chi phối hạch toán hợp nhất PETROCONs có 02/07 đơn vị hoạt động có lãi, tuy nhiên lợi nhuận ghi nhận không cao, chỉ đạt 1,53 tỷ đồng, gồm: DOBC lãi 1,01 tỷ đồng; PVC-Bình Sơn lãi 0,52 tỷ đồng. Các đơn vị còn lại thua lỗ với giá trị rất lớn, là 226 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn công việc hạn chế, doanh thu không đủ bù đắp các khoản chi phí thường xuyên, chi phí tài chính cũng như các khoản lãi vay, lãi phạt.

Ngoài ra chi phí đầu tư, chi phí khấu hao tại các dự án bất động sản từ giai đoạn trước cũng là nguyên nhân dẫn đến hoạt động kinh doanh thua lỗ của các đơn vị. Các Công ty con thua lỗ đã ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất của PETROCONS.

+ PVC-MS lỗ 159,01 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu đến từ kết quả sau khi quyết toán dự án Gallaf 3, gói A2 dự án LHD Long Sơn. Lợi nhuận gộp đạt được từ thi công các dự án khác không đủ bù đắp chi phí quản lý thường xuyên, chi phí khấu hao cơ sở vật chất/ máy móc thiết bị, chi phí vận hành cảng, chi phí tài chính cũng như khoản lỗ từ 2 dự án nêu trên của đơn vị.

+ PVC-Thái Bình lỗ 34,41 tỷ đồng do đơn vị không có nguồn việc mới, hoạt động SXKD năm 2023 chủ yếu từ hạng mục kho than dự án NMNĐ Thái Bình 2 và kinh doanh dịch vụ tại khách sạn Dầu khí Thái Bình. Lợi nhuận gộp đạt được từ thi công kho than và cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn,... không đủ bù đắp chi phí quản lý, chi phí khấu hao của khách sạn, trạm trộn bê tông của đơn vị, đặc biệt là khoản chi phí lãi vay, lãi phạt đối với khoản vay vốn tại PVCombank.

+ PVC-IC lỗ 19,34 tỷ đồng do đơn vị không tìm kiếm được nguồn việc để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên. Ngoài ra, trong năm 2023, PVC-IC phải ghi nhận giảm lợi nhuận đối do thanh lý Hợp đồng 21/2016 chuyển nhượng văn phòng cho DOBC theo yêu cầu của kiểm toán là 7,1 tỷ đồng và khoản lỗ từ chi phí phạt chậm nộp tiền thuế đất theo kết luận số 404/KL-TTCT của TTCT là 14,1 tỷ đồng.

+ PETROCONS-Mekong lỗ 8,16 tỷ đồng chủ yếu do khoản chi phí lãi chậm trả 6,2 tỷ đồng đối là khoản nợ PVGas số tiền 50 tỷ đồng tại dự án Tòa nhà Bạc Liêu Tower theo bản án số 43/2022 ngày 04/11/2022 của Tòa án Nhân dân quận Ninh Kiều - Tp.Cần Thơ và chi phí quản lý của đơn vị.

+ PETROCONS-Đông Đô lỗ 5,39 tỷ đồng, chủ yếu do nguồn doanh thu hạn chế, lợi nhuận đạt được không đủ bù đắp các khoản chi phí quản lý phát sinh thường xuyên tại đơn vị.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, gồm 7 thành viên, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết và các CK khác do TCT phát hành	Ghi chú
1	Ông Phan Tử Giang	1972	Hà Tĩnh	Quận Ba Đình, Hà Nội	Kỹ sư chế tạo máy điện và Thiết bị điện	Tổng giám đốc	0	
2	Ông Nguyễn Văn Đồng	1965	Bình Định	Quận Long Biên, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc	0	

3	Ông Nguyễn Trung Trí	1972	Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Thạc sĩ QTKD Kiến trúc sư Cử nhân chính trị	Phó Tổng giám đốc	0	Thôi Phó TGD từ 01/7/2023
4	Ông Bùi Sơn Trường	1970	Nghệ An	Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sĩ QTKD Kỹ sư - ngành cơ khí chế tạo máy	Phó Tổng giám đốc	0	
5	Ông Hoàng Quyết Thắng	1979	Nam Định	Quận 7, TP HCM	Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ hàn và CNVL Kim loại	Phó Tổng giám đốc (CB biệt phái của Tập đoàn)	0	Thôi Phó TGD từ 01/11/2023
6	Ông Vũ Mạnh Quang	1979	Nam Định	Quận Long Biên, Hà Nội	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt Kỹ sư Nhiệt điện	Phó Tổng giám đốc (CB biệt phái của Tập đoàn)	0	
7	Ông Phạm Trung Kiên	26/6/1978	Bắc Ninh	Số 33, Đường V, Tổ Nông Lâm, Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Kỹ sư Máy và thiết bị công nghiệp Hoá chất - Dầu khí	Phó Tổng giám đốc	0	
8	Ông Vũ Minh Công	1979	Nam Định	Phòng 801, chung cư Seaview 2, phường 10, Thành phố Vũng Tàu.	Cử nhân Kinh tế	Kế toán trưởng	0	

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

+ Ngày 28/12/2023, PETROCONs có các Quyết định 273/QĐ-XLDK về việc thôi giữ chức Tổng giám đốc của Ông Phan Tử Giang và Quyết định 274/QĐ-XLDK về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Trần Quốc Hoàn làm Tổng giám đốc PETROCONs từ ngày 01/01/2024;

+ Ông Nguyễn Trung Trí thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 01/7/2023;

+ Bổ nhiệm Ông Phạm Trung Kiên giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 02/10/2023;

+ Ông Hoàng Quyết Thắng (cán bộ biệt phái của Tập đoàn) thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 01/11/2023.

- Số lượng CBCNV: Tổng số CBCNV tính đến 31/12/2023 của PETROCONs là 1.257 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 222 người.

- Năm 2023, PETROCONs không thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tại ngày lập báo cáo Thường niên năm 2023 này, PETROCONs đã có thay đổi nhân sự chủ chốt: Ông Trần Quốc Hoàn được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc, Người đại diện Pháp luật thay Ông Phan Tử Giang theo Quyết định số 274/QĐ-XLDK ngày 28/12/2024. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn bao gồm đầu tư tài chính, đầu tư các dự án:

- Đầu tư các dự án: Năm 2023, PETROCONS và các đơn vị thành viên không thực hiện đầu tư dự án.

- Đầu tư tài chính: Năm 2023, Công ty mẹ PETROCONS không thực hiện công tác đầu tư tài chính bổ sung. Đến thời điểm hiện tại, PETROCONS đang góp vốn tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, 11 đơn vị đơn vị liên kết là 735,45 tỷ đồng và 07 đơn vị đầu tư tài chính khác là 206,20 tỷ đồng. Tổng giá trị trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm 2023 là 131,845 tỷ đồng. Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ước đến thời điểm 31/12/2023 là 1.797,363 tỷ đồng bằng 77% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONS.

b) Tóm tắt hoạt động các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PETROCONS	Doanh thu năm 2023	Lợi nhuận sau thuế năm 2023
1	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	600,00	50,97%	417,74	(159,01)
2	CTCP Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	300,00	51,00%	36,99	(19,34)
3	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	200,00	51,00%	104,57	1,01
4	CTCP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	365,50	46,51%	31,32	0,52
5	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	280,69	53,44%	4,31	(8,16)
6	CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	450,00	72,22%	51,15	(34,41)
7	CTCP Dầu khí Đông Đô (PETROCONS Đông Đô)	500,00	34,87%	24,58	(5,39)

Xem thêm phần 1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (phần lợi nhuận năm 2023 của 7 công ty con).

- Các công ty liên kết:

Hiện PETROCONS có 11 công ty liên kết với tổng giá trị đầu tư góp vốn là 735,45 tỷ đồng. Lũy kế trích lập giảm giá đầu tư tài chính tại các công ty liên kết đến thời điểm 31/12/2023 là 702,34 tỷ đồng bằng 95% tổng giá trị đầu tư. Trong năm 2023, một số công ty liên kết như: PVC-HN, PVC-ME, PVC-ID thực

hiện kiện toàn nhân sự đối với các chức danh chủ chốt tại đơn vị; Khách sạn Lam Kinh từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua công tác sửa chữa, duy tu lại các hạng mục của khách sạn và đưa khách sạn hoạt động trở lại;... Phần lớn các đơn vị liên kết của PETROCONS còn lại đều có kết quả kinh doanh thua lỗ, lỗ lũy kế lớn dẫn đến năng lực tiếp thị đấu thầu không có, không có nguồn việc hoặc nguồn việc rất hạn chế. Một số đơn vị trước kia có lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là đầu tư kinh doanh bất động sản đến nay vẫn tiếp tục phải chịu các chi phí lãi vay, khấu hao đối với các bất động sản tồn đọng chưa thể thoái vốn/ thu hồi vốn đầu tư.

❖ **Đối với các khoản đầu tư tài chính khác:**

Đến thời điểm báo cáo, PETROCONS chưa nhận được BCTC năm 2023 của các đơn vị đầu tư tài chính.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ Tiêu (Báo cáo Tài chính Công ty Mẹ)	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng giảm
A	1	2	3=2/1
1. Tổng giá trị tài sản	4.463.223.410.959	4.772.462.948.755	98%
2. Doanh thu thuần	765.736.617.243	1.287.532.669.399	168%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(160.362.844.517)	54.985.821.050	-34%
4. Lợi nhuận khác	(2.289.917.221)	(1.985.421.593)	87%
5. Lợi nhuận trước thuế	(162.652.761.738)	53.000.399.457	-33%
6. Lợi nhuận sau thuế	(162.652.761.738)	52.302.457.212	-32%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	131	
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
A	1	2	3
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,93	0,94	

+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,57	0,63	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,93	0,90	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	13,52	9,15	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	0,49	0,89	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu Thuần/Tổng tài sản BQ	0,17	0,27	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	-0,21	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	-0,53	0,11	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Tổng tài sản	-0,04	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,21	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ của PETROCONS là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

Tất cả các cổ phần của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông và được tự do chuyển nhượng.

b. Cơ cấu cổ đông:

Trong 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn) vốn điều lệ; Vốn nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 đồng, tương đương 217.873.333 cổ phần, chiếm 54,47%.

* 03 thành viên HĐQT là Người đại diện quản lý vốn của Tập đoàn tại PETROCONS là:

+ Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL tương đương 100.000.000 cổ phần.

+ Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL tương đương 60.000.000 cổ phần.

+ Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc đại diện quản lý 14,47% VDL tương đương 57.880.000 cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm 2023, PETROCONS không thay đổi giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Lịch sử và các đợt tăng vốn kể từ khi thành lập/cổ phần hóa đến 31/12/2023:

Tiền thân của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam là *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí*, được thành lập ngày 14/9/1983, theo quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983) với nhiệm vụ chủ yếu là chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho ngành Dầu khí. Trong giai đoạn từ khi thành lập đến năm 1990, Xí nghiệp đã từng bước khắc phục những khó khăn ban đầu, thực hiện những thay đổi trong bộ máy quản lý, phương thức chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình của ngành.

Năm 1990, khi Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam được thành lập (tiền thân của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam), Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí là đơn vị chủ lực của ngành Dầu khí đảm nhiệm vai trò thực hiện các công trình thiết kế và xây lắp dầu khí. Năm 1995, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC). Trong giai đoạn 1990 – 1997, Xí nghiệp liên hiệp Xây lắp Dầu khí đã hoàn thành có chất lượng trên 20 chân đế các giàn khoan cố định và hoàn thành trên 10 khối chân đế cho các cụm DK1 (nhà nổi) trên thềm lục địa phía nam và ở quần đảo Trường Sa, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh vùng biển của Tổ quốc. Công ty cũng đã xây dựng, lắp đặt thành công hệ thống đường ống dẫn khí từ mỏ Bạch Hổ vượt 100km đường biển và 20 km trên đất liền để vận hành nhà máy điện Bà Rịa, qua đó khẳng định vai trò của chuyên ngành xây dựng Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp.

Ngày 17/3/2005, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt Đề án và quyết định chuyển đổi Công ty PVECC thành Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí và ngày 1/4/2006, sau gần 2 năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, công ty đã chính thức đi vào hoạt động. Năm 2007, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam đã ký nghị quyết số 3604/NQ-DKVN về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- 21/11/2007 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí với Vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

- 27/6/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.
- 16/5/2009 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua kế hoạch niên yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- 19/8/2009 Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- 20/01/2010 Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.
- Tăng vốn điều lệ của PETROCONS từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 23/4/2011 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Kết quả đợt tăng: 4.000 tỷ đồng. Cụ thể Vốn điều lệ qua các năm:
- Năm 2007: 150 tỷ đồng.
- Năm 2008: 1.500 tỷ đồng.
- Năm 2009: 1.500 tỷ đồng.
- Năm 2010: 2.500 tỷ đồng.
- Năm 2011: 2.500 tỷ đồng.
- Năm 2012 đến 31/12/2023: 4.000 tỷ đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PetroCons

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không đáng kể.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: hưởng ứng các chương trình giảm thiểu phát thải khí nhà kính của Chính phủ như tăng cường sử dụng phương tiện vận tải tập thể, đường biển, phương tiện vận tải sử dụng nhiên liệu sinh học và điện.

Trong các thiết kế và xây dựng: sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, gạch không nung, giảm ứng dụng nhôm kính kim loại nặng,,,

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

- Sắt thép các loại: 6.023,9 tấn;
- Vật tư sơn và làm sạch: 30.000 lít;
- Ván khuôn: 3.714,27 m²;

- Bê tông các loại: 8.025,09 m³;
- Sơn: 12.280 lít;
- Dây điện: 2.743 m;
- Vữa xica không co ngót: 14 m³;
- Cốp pha các loại: 74 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng: 2.843.031 kWh;
- Dầu Diezen: 12.567,5 lít.
- Khí: 5.604 kg.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này: không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 46.4107 m³
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không lần.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: tính đến 31/12/2023, Tổng số CBCNV của PETROCONs là 1.257 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 222 người.

- Thu nhập bình quân đầu người trong toàn Tổng công ty năm 2023 đạt 10,58 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi: Thực hiện nghiêm túc công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, người lao động.

c) Hoạt động đào tạo: Năm 2023, Tổng công ty triển khai thực hiện đào tạo 1.804 lượt người với tổng chi phí đào tạo là 3,09 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ PETROCONs cử 276 lượt người tham gia các khóa đào tạo với chi phí đào tạo là 780 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu, cụ thể:

Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu:

- Thực hiện nghiêm túc công tác Quân sự, An ninh - Quốc phòng, Dân quân tự vệ. Tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ, tham gia công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức ANQP, huấn luyện quân sự và các hoạt động Quốc phòng khác tại địa phương.

- Phối hợp với Công An địa phương thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ An ninh - Tổ quốc trong năm 2023.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Trong khi chờ kế hoạch hành động cho thực hiện chiến lược xanh quốc gia và thị trường chứng khoán được ban hành, UBCK tập trung vào 3 vấn đề đã và đang triển khai. Thứ nhất, nâng cao nhận thức về các vấn đề phát triển bền vững để doanh nghiệp biết họ cần làm gì trong lĩnh vực của mình và trong thị trường vốn. Thứ hai, xây dựng các bộ tiêu chuẩn để căn cứ vào đó xác định chuẩn đầu tư xanh nói chung. Thứ ba, tăng cường công bố thông tin, vì nhà đầu tư nước ngoài muốn có thông tin để đảm bảo khoản đầu tư của mình được sử dụng đúng mục đích hay không.

Theo đó, PETROCONs đã nhận thức và định kỳ, thường xuyên lập kế hoạch SXKD và thực hiện. PETROCONs đã xây dựng chiến lược phát triển với tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và chiến lược để thích nghi các thay đổi về vi mô và vĩ mô của nền kinh tế, của ngành và của nội tại doanh nghiệp để giữ cho doanh nghiệp phát triển bền vững nhất có thể.

Ngoài ra, PETROCONs luôn tuân thủ Luật, Nghị định và các Thông tư liên quan đến các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là lĩnh vực Tài chính, chứng khoán để minh bạch thông tin, minh bạch số liệu và sức khỏe doanh nghiệp nhằm tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư và phục vụ các công tác quản lý của Nhà nước, quản trị của Doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 của PETROCONs đã được nêu tại phần II.1- Kết quả hoạt động SXKD trong năm. Theo đó PETROCONs đã không hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, cụ thể:

- Về chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh: Toàn tổ hợp thực hiện 912,38 tỷ đồng đạt 61% kế hoạch năm 2023 và bằng 61% so với thực hiện năm 2022. Trong đó, Công ty mẹ thực hiện 441,36 tỷ đồng đạt 57% kế hoạch năm 2023 và bằng 46% so với thực hiện năm 2022.

- Về chỉ tiêu doanh thu: Toàn tổ hợp thực hiện 1.237,96 tỷ đồng đạt 66% kế hoạch năm 2023 và bằng 62% so với thực hiện năm 2022. Trong đó, Công ty

mẹ thực hiện 765,74 tỷ đồng đạt 68% kế hoạch năm 2023 và bằng 59% so với thực hiện năm 2022.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: Toàn tổ hợp lỗ 267,12 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lỗ 162,65 tỷ đồng.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Toàn tổ hợp lỗ 265,22 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lỗ 162,65 tỷ đồng.

Lỗ lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2023 là 3.770,05 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2023 là 307,4 tỷ đồng, giảm 35% so với thời điểm đầu năm.

- Một số kết quả tích cực đã đạt được của PETROCONS trong năm 2023 như sau:

Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: đã hoàn thành chạy thử và bàn giao cho Chủ đầu tư tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 27/4/2023 và đưa vào sử dụng 2 tổ máy.

Hoàn thành công tác bán đấu giá một số máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đã thu về 1,969 tỷ đồng (chưa VAT).

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty PETROCONS vào ngày 06/6/2023.

2. Tình hình tài chính (Công ty mẹ)

a. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản tại 31/12/2023 là 4.463,23 tỷ đồng giảm 309,23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do cả 2 chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều giảm. cụ thể: tài sản ngắn hạn giảm 174,6 tỷ đồng từ 3.908,258 tỷ đồng xuống 3.733,57 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 134,54 tỷ đồng từ 864,204 tỷ đồng xuống 729,65 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn tại 31/12/2023 là 4.463,23 tỷ đồng giảm 309,23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do các chỉ tiêu “nợ phải trả” và “vốn chủ sở hữu” đều giảm. Chỉ tiêu Nợ phải trả giảm 145,135 tỷ đồng từ 4.302,405 tỷ đồng xuống 4,155 tỷ đồng; Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu giảm 162,652 tỷ đồng từ 470,057 tỷ đồng xuống 4.463,22 tỷ đồng.

- Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ PETROCONS sau 2 năm 2021 và năm 2022 có lãi sau thuế chưa phân phối lần lượt là 52,479 tỷ đồng và 52,302 tỷ đồng thì năm 2023 bị lỗ 162,652 tỷ đồng. Tại 31/12/2023, lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ PETROCONS là 3.770,052 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2023 biến động so với cùng kỳ năm 2022 do các các chỉ tiêu chi tiết sau:

- + Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tiền và các khoản tương đương tiền) giảm trong kỳ 164,615 tỷ đồng từ 415,096 tỷ đồng xuống 250,48 tỷ đồng. Các nguồn thu và chi năm 2023 của PETROCONS được trình bày chi tiết tại báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ - Mẫu số B03-DN – Báo cáo tài chính

Công ty mẹ). Tiền và các khoản tương đương tiền tại 31/12/2023 bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 210,481 tỷ đồng (trong đó: Tiền mặt và TGNH không kỳ hạn là 210,48 tỷ đồng) và 40 tỷ đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại NH BIDV CN Hà Đông, là nguồn tiền phục vụ chủ yếu cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và chi phí quản lý của Công ty mẹ Tổng công ty... với lãi suất từ 2,3% đến 2,9%/năm.

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn của PETROCONs tại 31/12/2023 là 206,237 tỷ đồng, tăng 283 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 283 triệu đồng đến từ việc khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hà Đông có giá trị là 205,522 tỷ đồng với lãi suất từ 4%/năm đến 4,9%/năm, đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng này. Ngoài ra còn có khoản chứng khoán kinh doanh tại Công ty CP thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí là 14,6 tỷ đồng, trong đó đã được trích lập 13,885 tỷ đồng.

+ Tại 31/12/2023, PETROCONs đang đầu tư góp vốn vào 7 công ty con, 11 công ty liên doanh liên kết, 6 công ty khác với tổng giá trị đầu tư vào các công ty là 2.311,954 tỷ đồng (vào 7 công ty con là 1.384,909 tỷ đồng; 11 công ty liên doanh liên kết: 735,449 tỷ đồng; đầu tư vào 6 công ty khác là 191,595 tỷ đồng). Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn lũy kế đến 31/12/2023 là 1.783,478 tỷ đồng, tăng 131,84 tỷ đồng so với năm 2022 (Tăng trích lập DPTC tại PVC Thái Bình: 24,85 tỷ đồng, tại PVC MS là 81 tỷ đồng, tại PVC Đông Đô là 1,877 tỷ đồng, tại PVC IC là 24 tỷ đồng,

+ Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 201,549 tỷ đồng từ 2.126,702 tỷ đồng xuống 1.925,152 tỷ đồng. Số liệu này biến động do giảm phải thu ngắn hạn tại BQL DA NMNĐ Thái Bình 2 là 207,47 tỷ đồng, giảm phải thu của PVNC là 9,083 tỷ đồng và giảm phải thu ngắn hạn tại Viện Dầu khí Việt Nam là 17,301 tỷ đồng, giảm phải thu tại PVC Mekong là 2,765 tỷ đồng, giảm phải thu ĐOBC là 1,18 tỷ đồng; trong khi tăng phải thu PVC IC là 0,658 tỷ đồng, PVC TH là 0,221 tỷ đồng.

+ Trả trước cho người bán ngắn hạn tại 31/12/2023 là 576 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty đã trích lập DP là 329,263 tỷ đồng. Cụ thể: Trả trước cho Công ty CP đầu tư xây dựng cảng và hạ tầng Việt Nam là 113,386 tỷ đồng; cho PVC-HN là 108,8 tỷ đồng và các đối tượng khác là 353,818 tỷ đồng.

+ Phải thu về cho vay ngắn hạn tại 31/12/2023 là 356,277 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty đã thực hiện trích lập 269,17 tỷ đồng dự phòng. Phải thu về cho vay ngắn hạn tại 31/12/2023 giảm 0,6 tỷ đồng tại PVNC so với năm 2022. Cụ thể tại 31/12/2023, phải thu về cho vay ngắn hạn tại PVC – Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC SG: 128,357 tỷ đồng; PVNC: 16,922 tỷ đồng; Công ty CP nội ngoại thất Dầu khí: 10,997 tỷ đồng.

+ Phải thu ngắn hạn khác trong kỳ tăng 2,4 tỷ đồng so với cùng kỳ 2022. Hiện khoản phải thu khác ngắn hạn 31/12/2022 là 273,544 tỷ đồng, thay đổi chủ yếu do phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia, về tạm ứng ký cược, ký quỹ, nghĩa vụ bảo lãnh (NH đã khấu trừ TK của Tổng công ty để thực hiện nghĩa vụ

bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng công ty đứng ra bảo lãnh), lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả.

+ Phải thu về ký cược, ký quỹ dài hạn trong kỳ không tăng và hiện đang dư phải thu bằng số ký cược, ký quỹ tại 31/12/2022 là 22,893 tỷ đồng. Đây là khoản để bảo lãnh thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

+ Công tác thu hồi và xử lý nợ:

Trong năm 2023 Tổng công ty đã xử lý thu hồi được tổng số tiền 11,766 tỷ đồng, cụ thể: PVC-HN (0,214 tỷ đồng), PVNC (10,468 tỷ đồng thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 và bù trừ tiền mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2), PVC-Đông Đô (1,083 tỷ đồng) – chi tiết theo phụ lục đính kèm

Tiếp tục tập trung phối hợp, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện xử lý để PETROCONS thu hồi một số khoản công nợ đang thực hiện/chưa hoàn thành xử lý thu hồi và một số khoản nợ chi tiết theo kế hoạch đã đề ra như: TID (0,28 tỷ đồng); PVC-HN và PVC-ME tiền thuê văn phòng tòa nhà San Nam (Đối với nguồn thu của PVC-HN được thanh toán cho thuê văn phòng Sannam, PETROCONS sẽ thu hồi toàn bộ nguồn thu này theo tiến độ hợp đồng PVC-HN ký với Công ty Sannam để cân trừ nợ với PVC-HN; Công nợ với PVC-ME: thu hồi phần diện tích 407m2 văn phòng đang quản lý sử dụng/khai thác cho PETROCONS để cân trừ công nợ, hiện nay Ban KHĐT&TCC/TCKT&KT phối hợp tiến hành thanh lý hợp đồng thuê văn phòng với PVC-ME, làm việc với Công ty TNHH San nam về công nợ giữa PVC-ME và Sannam phục vụ cho việc bàn giao phần diện tích văn phòng về Tổng công ty); thu hồi nợ PVNC thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2, các nhà thầu phụ tại dự án NMNĐ Vũng Áng... và thực hiện kết luận của Tổng giám đốc theo Thông báo kết luận số 3474/TB-XLDK ngày 30/12/2022 tại cuộc họp rà soát tình hình công nợ của Tổng công ty, các Ban điều hành dự án/Chi nhánh. Bên cạnh đó, tiếp tục nghiên cứu thu hồi các khoản công nợ khác đủ điều kiện không nằm trong kế hoạch xử lý nợ năm 2023.

Trong tháng 4/2023, Tập đoàn đã chủ trì tổ chức họp với PETROCONS/Các bên liên quan về dự án Liên hợp Lọc hóa Dầu Nghi Sơn nhằm tháo gỡ các vướng mắc phục vụ công tác quyết toán, công nợ... cụ thể tại 02 Hợp đồng (Hợp đồng số 02 hạng mục nạo vét lần đầu các công trình biển BOQ1, Liên danh Nhà thầu P-V-P đã trình hồ sơ quyết toán cho Ban QLDA tuy nhiên do vướng mắc ý kiến của Thanh tra Bộ Tài chính về đơn giá nạo vét các lớp đất nên Chủ đầu tư chưa ký, giá trị PETROCONS còn được thanh toán là 31,9 tỷ đồng; Hợp đồng số 14 hạng mục Khu 25ha Nghi Sơn, đã hoàn thành quyết toán khu 22,5ha, giá trị PETROCONS còn được thanh toán là 2,43 tỷ đồng, chưa quyết toán khu 2,5ha). Hiện đang tiếp tục rà soát, tập hợp các hồ sơ chứng từ để cung cấp/hoàn thiện các thủ tục nhằm giải quyết dứt điểm các tồn đọng với PVN/các đơn vị thuộc tổ hợp PVN (PETROCONS đã có các kiến nghị cụ thể tại công văn số 775/XLDK-KHĐT&TCC ngày 31/3/2023; số 1736/XLDK-TCKT.KT ngày 07/7/2022...)

Đôn đốc thu hồi nợ các đơn vị thanh toán công nợ đến và quá hạn, số dư tạm ứng tại các dự án/công trình PETROCONS thực hiện với vai trò là Tổng

thầu/Nhà thầu chính: Tổng công ty đã phát hành các văn bản/đơn đốc yêu cầu các đơn vị thanh toán công nợ đến và quá hạn, số dư tạm ứng tại các dự án/công trình PETROCONs thực hiện với vai trò là Tổng thầu/Nhà thầu chính để các đơn vị phối hợp thực hiện và phục vụ công tác báo cáo hậu Thanh tra, cụ thể: PVC-SG, CTCP Năng lượng Việt, Vạn Khởi Thành, PVC-Metal, Ban QLDA Nghi Sơn, Vinaconex 39, Heerim PVC, PVNC, PVC HN, PVC Kinh Bắc, PVC Đông Đô, PVE, PVC Land, PVIT, PVC-ME, PVC-MT, PVC2, PEC Hà Nội, PVC-3C, Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô, PVComBank, IMICO (nay là VIPICO), PVR Hà Nội, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn, VPI, Công ty CP TID, Bạch Đằng 201, Công ty TNHH XD Hoàng Long, Công ty TNHH XD Đại An Phát, Lam Kinh. Hiện đang tiếp tục rà soát, đơn đốc thu hồi, tập hợp các hồ sơ chứng từ để cung cấp/hoàn thiện các thủ tục nội bộ nhằm giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng giữa các bên.

Tiếp tục rà soát các khoản dư tạm ứng của các nhà thầu phụ thi công tại dự án Vũng Áng – Quảng Trạch, xây dựng phương án thu hồi khả thi (tiên hành khởi kiện đối với các hợp đồng đủ điều kiện).

Xử lý công nợ tạm ứng cá nhân: Tính đến thời điểm 30/9/2023, số dư nợ tạm ứng đến và quá hạn thanh toán tại cơ quan mẹ PETROCONs là 6,599 tỷ đồng. Lũy kế đến thời điểm báo cáo thu hồi 113,91 triệu đồng (tiếp tục khấu trừ 10% lương CNCNV hiện đang công tác tại văn phòng công ty mẹ PETROCONs hiện có dư tạm ứng quá hạn).

Xử lý công nợ tạm ứng cá nhân: Tính đến thời điểm 31/12/2023, số dư nợ tạm ứng đến và quá hạn thanh toán tại cơ quan mẹ PETROCONs là 6,581 tỷ đồng. Lũy kế đến thời điểm báo cáo thu hồi 113,91 triệu đồng (tiếp tục khấu trừ 10% lương CNCNV hiện đang công tác tại văn phòng công ty mẹ PETROCONs hiện có dư tạm ứng quá hạn).

+ Hàng tồn kho trong kỳ tăng 162,686 tỷ đồng từ 1.267,607 tỷ đồng tại 31/12/2022 lên 1.427 tỷ đồng, biến động bởi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 tăng 175 tỷ đồng và giảm tại DA Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu là 2,787 tỷ đồng. Hàng hóa 31/12/2023 giảm 10,473 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.

+ Tài sản dở dang dài hạn của PETROCONs không có biến động trong kỳ khi tại 31/12/2023 và cùng kỳ năm 2021 đều là 71,051 tỷ đồng.

+ Xây dựng cơ bản dở dang của PETROCONs tại 31/12/2023 cũng như tại 31/12/2022 là 133,692 tỷ đồng. Cụ thể: tại DA Soài Rạp – Tiền Giang là 127,973 tỷ đồng; dự án khu đô thị Đại học Dầu khí là 3,883 tỷ đồng; Dự án khu công nghiệp Dầu khí Trường Giang là 1,835 tỷ đồng.

+ TSCĐ hữu hình: Trong kỳ, PETROCONs cũng ghi giảm TSCĐ hữu hình do thanh lý nhượng bán một số TS thuộc mục máy móc thiết bị, thiết bị, dụng cụ với giá trị là 1,214 tỷ đồng và thực hiện mua thiết bị, dụng cụ quản lý năm 2023 là 38,99 triệu đồng. Như vậy, tại 31/12/2023, nguyên giá TSCĐ của Tổng công ty đang ghi nhận với giá trị là 76,547 tỷ đồng và GTCL là 11,782 tỷ đồng.

TSCĐ vô hình (chương trình phần mềm) của PETROCONs tại 31/12/2023 là 5,505 tỷ đồng tăng 500 triệu đồng so với 31/12/2022 do PetroCons triển khai phần mềm idoc. GTCL của TS vô hình tại 31/12/2023 là 445 triệu đồng.

b. Tình hình nợ phải trả:

+ Vay ngắn và nợ dài hạn đến hạn trả: Tại ngày 31/12/2023, dư vay ngắn và nợ dài hạn đến hạn trả của PETROCONs là 642,936 tỷ đồng. Trong đó vay ngắn hạn là 67,265 tỷ đồng (tại BIDV) và nợ dài hạn đến hạn trả là 575,67 tỷ đồng (Ngân hàng Oceanbank dài hạn đến hạn trả: 575,67 tỷ đồng), tăng trong kỳ là 127,28 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây) và giảm trong kỳ là 173,977 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây: 170,342 tỷ đồng). Tất cả các khoản vay đều được đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Các khoản phải trả người bán tại 31/12/2023 là 2.679,52 tỷ đồng tăng 75,6 tỷ đồng so với cùng kỳ 2022 và được đánh giá là có khả năng trả nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, PETROCONs không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong ngắn hạn, Ban Lãnh đạo PETROCONs có kế hoạch tiếp tục triển khai các công tác sau:

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu; củng cố, phát triển nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để hoàn thành hồ sơ năng lực, tham gia đấu thầu tìm kiếm nguồn việc đảm bảo nguồn công việc cho năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, tổ chức triển khai thi công một cách khoa học, rút ngắn tối đa tiến độ thi công tại các dự án nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 332/NQ-XLDK-DHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông PETROCONs thông qua Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025, PETROCONs triển khai rà soát, đánh giá lại thực trạng các đơn vị thành viên của PETROCONs trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động SXKD, tài chính, cơ cấu tổ chức, con người, tài sản, máy móc thiết bị,... qua đó xác định vị thế và xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu đơn vị dựa trên năng lực thực tế. Trên cơ sở rà soát đánh giá từng đơn vị, PETROCONs sẽ thực hiện xem xét, định hướng sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi vốn, thu hồi, xử lý/bù trừ các khoản công nợ nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Xúc tiến tìm kiếm đối tác, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyền lợi của PETROCONs/PVN liên quan đến phương án thu hồi chi phí đã đầu tư/ hoặc xin tiếp tục đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Soài Rạp, Tiền Giang.

- Tiếp tục thu xếp nguồn vốn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONs cho các đơn vị.

- Kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONs đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONs.

- Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

- Năm 2024 là một năm khó khăn đối với PETROCONs khi đã hoàn thành xong dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình nhưng chưa có các dự án khác gổì đầu. Để giải quyết khó khăn này, hơn hết PETROCONs phải tăng cường, tích cực trong công tác tiếp thị đầu thầu tìm kiếm nguồn công việc.

Đối mặt với việc khó khăn về nguồn việc, PETROCONs đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2024, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ KH2024/ TH2023
1	Giá trị SXKD				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	912,38	1.532,00	168%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	441,36	884,00	200%
2	Tổng doanh thu				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.237,96	1.704,00	138%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	765,74	1.055,00	138%
3	Lợi nhuận trước thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	(267,12)	3,70	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(162,65)	9,48	
4	Lợi nhuận sau thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	(265,22)	3,70	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(162,65)	9,48	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán – Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2023.

5.1 Đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ sau kiểm toán năm 2023:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, AASC đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2023 do AASC đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.770,05 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 4.032,66 tỷ đồng vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 299,09 tỷ đồng, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 575,67 tỷ đồng. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2023 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này”.

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được đầy đủ thông tin do đó không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2 “Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày lập báo cáo do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2023, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 14) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các

cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 4 “Tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2023 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5 “Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 779,04 tỷ VND và 714,41 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 4). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của PETROCONS, PETROCONS chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2023 kiểm toán của

các Công ty nêu trên do đó PETROCONs đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để thực hiện đánh giá các khoản đầu tư theo đúng quy định. PETROCONs tin tưởng rằng, việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày.31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.2 Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán của PETROCONs năm 2023:

Do AASC không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, AASC không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của PETROCONs.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.005,33 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.503,17 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 787,77 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 1.063,22 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2023 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này”.

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ thông tin do đó, không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2: “Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của

Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2023, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày lập báo cáo, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 4: Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2023 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”.

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 5. “Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý IV năm 2023 chưa được kiểm toán (trong đó: Tại ngày

31/12/2023 Tổng tài sản là 15,65 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 192,9 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm lần lượt là 4,23 tỷ VND và âm 8,16 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này”.

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của PETROCONS, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2023 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONS đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. PETROCONS tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 6: “Tại ngày 31/12/2023, Công ty mẹ Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và 169,708 tỷ VND (dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được). Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này”.

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét của PETROCONS, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2023 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONS đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. PETROCONS tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 7: “Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2023 và tại ngày 31/12/2023 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này”.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của kiểm toán viên là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng

kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 8: “Tại ngày 31/12/2023, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty CP Dầu khí Đông Đô bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 57,97 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023: 61,21 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên”.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 9: “Tại ngày 31/12/2023, số dư khoản góp vốn của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) vào dự án “Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội” (Dự án Dolphin Plaza) là 27,2 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 27,2 tỷ VND) (Thuyết minh số 16). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản góp vốn đầu tư này hay không”.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 10: Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là 29,17 tỷ VND và 14,25 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là: 25,53 tỷ VND và 15,51 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 là 13,27 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này”.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 11: Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi chưa thu thập được dự toán chi phí đã được Hội đồng quản trị Công ty này phê duyệt đối với các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của doanh thu, giá vốn mà

Công ty này đã ghi nhận từ hai dự án này cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Các số liệu Công ty này đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cụ thể như sau:

Diễn giải	Lũy kế đến ngày 01/01/2023	Trong năm	Lũy kế đến ngày 31/12/2023
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2			
<i>Doanh thu</i>	798.164.456.646	19.862.921.914	818.027.378.560
<i>Giá vốn</i>	875.269.887.541	23.739.439.239	899.009.326.780
Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam			
<i>Doanh thu</i>	2.529.053.012.156	81.830.424.374	2.610.883.436.530
<i>Giá vốn</i>	2.553.716.068.756	134.272.868.266	2.687.988.937.022
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I			
<i>Doanh thu</i>	68.241.835.342	1.771.439.032	70.013.274.374
<i>Giá vốn</i>	84.136.839.260	1.771.439.032	85.908.278.292

Đây là ý kiến trên báo cáo tài chính năm sau kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 12: “Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này đã trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nguyên giá là 15.166.470.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 6.074.334.707 VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 13: Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): gói thầu "Thi công 02 chân đế JA&KA thuộc Dự án phát triển mỏ Gallaf 3" đã hoàn thành trong năm 2023, Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn theo kết quả quyết toán vào kết quả kinh doanh năm 2023 với giá trị lần lượt là 55,37 tỷ VND và 120 tỷ VND; lỗ gộp là 64,63 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty không cung cấp được đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá được sự phù hợp về giá trị dự phòng giám giá hàng tồn kho của công trình này đã trích lập trên Báo cáo tài chính năm trước, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 14: Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 15: Tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị cùng là: 11,67 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 là 106,22 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến

các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.3 Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo PETROCONS đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:

Ban lãnh đạo PETROCONS nhận thức rõ PETROCONS đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ PETROCONS của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, PETROCONS đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình, dự án mà PETROCONS và các đơn vị thành viên thực hiện;
- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;
- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể PETROCONS theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của PETROCONS; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của PETROCONS;
- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;
- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà PETROCONS đang tham gia;
- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và giải tỏa các khoản bảo lãnh trong thời gian tới.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1 Về trách nhiệm xã hội đối với môi trường:

PETROCONs chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ các tiêu chí sau: Phòng ngừa ô nhiễm, sử dụng tài nguyên bền vững, giảm nhẹ và thích nghi với biến đổi khí hậu, kiểm soát rác thải và hiệu quả năng lượng.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường:

Tiêu thụ nước: Bình thường;

Năng lượng: Bình thường.

Phát thải: Bình thường.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tổng công ty đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống góp phần đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, tăng năng xuất lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, về khai thác tài nguyên, triển khai các giải pháp về đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo luôn tận dụng và hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PETROCONs

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Tổng Công ty

Năm 2023, tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá hối đoái, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và PETROCONs nói riêng. Ngoài ra, PETROCONs còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế. Bên cạnh những khó khăn khách quan của nền kinh tế, PETROCONs còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, hạn chế trong công tác quản trị,... dẫn đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 của PETROCONs chưa đạt được yêu cầu đề ra.

Trong năm 2023, thực hiện các chỉ đạo của Tập đoàn tại các Nghị quyết, Chỉ thị và tại Thông báo kết luận tại các cuộc họp giao ban CEO hàng tháng, PETROCONs đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ đề ra, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Tập trung triển khai các công tác thi công tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đưa dự án hoàn thành đi vào hoạt động. Hiện PETROCONs đang tập trung triển khai các công tác chuẩn bị quyết toán song song với việc thực hiện những công việc còn lại tại dự án.

- Trên cơ sở kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Nghị quyết số 3143/NQ-DKVN ngày 10/6/2022, PETROCONs đã thực hiện kiện toàn công tác Người đại diện vốn của PETROCONs tại các đơn vị còn yếu kém nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tại các đơn vị, triển khai phương án tái cơ cấu/phục hồi hoạt động SXKD của các đơn vị PVC-HN, PVC-ME, PVC-ID, CTCP Khách sạn Lam Kinh.

- Tích cực tìm kiếm phát triển nguồn việc mới thông qua làm việc chặt chẽ với các đối tác, chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng nhân lực, vật lực để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực của PETROCONs. Tích cực bám sát quá trình thực hiện mời thầu của các Chủ đầu tư để tham gia dự thầu các gói thầu như: Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7 - NMNĐ Uông Bí, Nhà máy xử lý rác Yên Bình, Nhà máy SX Polypropylene Phú Mỹ, Nhà máy nhiệt điện Na Dương 2, Dự án nhà máy sản xuất Oxy già, khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, khu nhà ở CNCNV NMNĐ Sông Hậu 1,...

- Rà soát, cập nhật và xây dựng phương án xử lý các khó khăn vướng mắc đối với các công nợ tồn đọng báo cáo kiến nghị Tập đoàn hỗ trợ giải quyết tại văn bản số 775/XLDK-KHĐT&TCC ngày 03/4/2023.

- Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ khó đòi, thực hiện tham gia các thủ tục tố tụng, tranh chấp, hòa giải nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp, tối đa cho PETROCONs.

- Xây dựng và thực hiện phương án định biên nhân sự cơ quan Tổng công ty, sắp xếp lao động của Ban ĐHDA NMNĐ Thái Bình 2 khi kết thúc công việc tại dự án, đảm bảo dự nguồn cán bộ cho dự án tiếp theo và tăng cường bổ sung cho các vị trí còn thiếu của các Ban chuyên môn

Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ năm 2023 như sau:

- Tình hình thực hiện SXKD năm 2023: số liệu đã được phản ánh tại Mục II.1 của báo cáo này.

- Đối với công trình trọng điểm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: Trong năm 2023, đã hoàn thành chạy thử và bàn giao cho Chủ đầu tư tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 27/4/2023 và đưa vào sử dụng 2 tổ máy dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

- Hiện PETROCONs vẫn tiếp tục thực hiện các hạng mục phụ còn lại tại dự án, xử lý các tồn đọng (punchlist) phát sinh trong quá trình chạy thử/vận hành. Rà soát, đơn đốc nhà thầu hoàn thiện hồ sơ hai tổ máy với Chủ đầu tư phục vụ bàn giao nhà máy.

- Công tác tiếp thị đấu thầu ký kết các hợp đồng kinh tế: Trong năm 2023, PETROCONs đã liên danh với VCAPITAL ký được 01 hợp đồng với Chủ đầu tư là Tổng công ty phát điện 1 với giá trị hợp đồng 106 tỷ trong đó phạm vi công việc của PETROCONs là 6,6 tỷ đồng tại hạng mục Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy 7- NMNĐ Uông Bí, dự kiến triển khai phần việc của PETROCONs trong quý III/2024.

- Công tác xử lý, thu hồi công nợ: Đến thời điểm 30/11/2023, Công ty mẹ đã thu hồi, xử lý 6,32 tỷ đồng (PVNC: 5,023 tỷ đồng; PVC-HN: 0,214 tỷ đồng và PVC-Đồng Đô: 1,083 tỷ đồng). Đối với công nợ cá nhân, PETROCONs đã thông báo đến từng cá nhân tạm ứng và thực hiện thu hồi tạm ứng thông qua hình thức trừ qua lương. Lũy kế năm 2023 đến thời điểm 31/12/2023, Công ty mẹ Tổng công ty thu hồi được 109,14 triệu đồng.

- Công tác thoái vốn, tái cơ cấu:

➤ Tại Công ty mẹ:

+ Hoàn thành xây dựng và thực hiện công tác định biên nhân sự Cơ quan Công ty mẹ năm 2023.

+ Chuyển chức năng, nhiệm vụ công tác xử lý và thu hồi công nợ thuộc phòng Pháp chế - Thu hồi công nợ sang Ban Tài chính Kế toán - Kiểm toán; Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ của Phòng pháp chế theo hướng chuyên trách thực hiện công tác pháp chế doanh nghiệp của Tổng công ty.

+ Kiện toàn mô hình tổ chức các Phòng thuộc Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (từ 08 phòng thành 03 phòng). Hoàn thành Phương án sắp xếp lao động của Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.\

+ Xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại PETROCONs là 0%.

➤ Công tác sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên:

+ Kiện toàn công tác Người đại diện vốn của PETROCONs tại các đơn vị còn yếu kém nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tại các đơn vị.

+ Giao nhiệm vụ cho NDDPV của Tổng công ty tại PVC-MS và DOBC triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đánh giá thực trạng, phương án tái cơ cấu đã xây dựng nhằm đảm bảo các mục tiêu là đơn vị nòng cốt của PETROCONs.

+ Triển khai phương án tái cơ cấu/phục hồi hoạt động SXKD của các đơn vị:

- Tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường tại các đơn vị PVC-HN, PVC-ME, PVC-ID thực hiện kiện toàn nhân sự đối với các chức danh chủ chốt tại đơn vị

- Khôi phục hoạt động Khách sạn Lam Kinh: từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua công tác sửa chữa, duy tu lại các hạng mục của khách sạn và đưa khách sạn hoạt động trở lại.

- Hỗ trợ PVC-Duyên Hải tháo gỡ một số vướng mắc và thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất số 441 đường Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Tp. Hải Phòng nhằm hoàn thiện tính pháp lý của tài sản. Hiện PVC-Duyên Hải đã chuyển hồ sơ tài liệu cho Sở TNMT-Tp Hải Phòng chờ ý kiến phản hồi.

- Tái cơ cấu Công ty CP Truyền thông liên minh Dầu khí (Petrolink): PETROCONs đang làm việc với đơn vị để thực hiện các thủ tục điều chỉnh/hoàn

thiện loại hình doanh nghiệp, điều chỉnh ĐKKD theo đúng cơ cấu cổ đông hiện tại (02 cổ đông). Đồng thời xem xét hỗ trợ đơn vị mở rộng nguồn việc nhằm tăng giá trị doanh nghiệp, từ đó tăng cơ hội thoái vốn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PETROCONS, quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao Ban thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.

- Ban Tổng giám đốc đã quyết liệt có các giải pháp để tháo gỡ tồn tại vướng mắc trong công tác nghiệm thu, tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện hợp đồng với Chủ đầu tư cũng như với các nhà thầu phụ, đặc biệt tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã hoàn thành bàn giao dự án và Chủ đầu tư đã khánh thành Dự án vào ngày 27/4/2023.

- Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện lại quy chế/quy định nội bộ của PETROCONS và thực hiện điều chỉnh nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PETROCONS và trình Hội đồng quản trị PETROCONS xem xét, phê duyệt.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024

3.1. Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện năm 2023 và các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2024:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Giá trị SXKD	912,38	1.532,00
	Công ty mẹ	441,36	884,00
2	Tổng doanh thu	1.270,52	1.704,00
	Công ty mẹ	793,34	1.055,00
3	Lợi nhuận trước thuế	(216,64)	3,70

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
	Công ty mẹ	(120,95)	9,48
4	Lợi nhuận sau thuế	(215,17)	3,70
	Công ty mẹ	(120,95)	9,48
5	Nộp NSNN	44,57	47,00
	Công ty mẹ	10,72	14,00
6	Thu nhập bình quân NLD (trđ/ người/ tháng)	10,58	10,84
	Công ty mẹ	13,25	13,25

3.2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

3.2.1. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 và thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại, khó khăn đã đánh giá.
- Triển khai tái cấu trúc tổ hợp PETROCONs trên cơ sở Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đến hết năm 2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 và Nghị quyết số 3143/NQ-DKVN ngày 10/6/2022 của Tập đoàn về việc Phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025.
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu. Tập trung hoàn thiện, bổ sung hồ sơ năng lực của PETROCONs theo quy định của Nhà nước để tham gia đấu thầu các công trình.
- Đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp các dự án trong ngành, mở rộng thị trường ngoài ngành. Tích cực làm việc chặt chẽ với các Chủ đầu tư dự án, các đối tác, chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng nhân lực vật lực để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực Tổng công ty. Phân đầu trong năm 2024 trúng thầu 4-6 dự án/ công trình lớn đảm bảo nguồn công việc cho PETROCONs trong năm 2024 và gói đầu cho các năm tiếp theo.
- Tập trung các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... tại các công trình, dự án để có thể triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.
- Thực hiện công tác quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hoàn thành quyết toán các gói thầu đã thi công xong tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1. Tiếp tục rà soát, đánh giá, đàm phán với các nhà thầu phụ nhằm giảm công nợ phải trả của PETROCONs trong quá trình thực hiện quyết toán với nhà thầu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và NMNĐ Sông Hậu 1.

- Tập trung rà soát, đối chiếu, xử lý thu hồi công nợ của từng hợp đồng, dự án PETROCONS thực hiện theo đúng quy định. Quyết liệt trong công tác nghiêm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Thống nhất phương án xử lý các vướng mắc giữa PVCombank; PVC-Thanh Hóa và CTCP Khách sạn Lam Kinh, trên cơ sở thống nhất và đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của các bên liên quan để thu hồi và trả khoản vay ủy thác của Tập đoàn liên quan đến khách sạn Lam Kinh.

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONS bảo lãnh làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONS cho các đơn vị.

- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền để sớm thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Tổng công ty đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty. Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONS nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONS.

- Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của PETROCONS trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên.

- Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

3.2.2 Giải pháp thực hiện:

- Công tác tái cấu trúc

- + Triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc của PETROCONS đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Tập đoàn đã phê duyệt số 3143/NQ-DKVN ngày 10/6/2022, theo đó tập trung:

(i) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của 02 đơn vị nòng cốt là PVC-MS và DOBC;

(ii) Xây dựng phương án thoái phần vốn góp của PETROCONs cho từng đơn vị khi đủ điều kiện và đúng quy định của pháp luật đảm bảo theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch bảo toàn tối đa vốn đầu tư. Trong quá trình thực hiện, đối với các đơn vị phục hồi tốt, có chuyển biến tích cực trong SXKD, cần thiết duy trì trong hệ thống PETROCONs, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PETROCONs sẽ báo cáo kiến nghị phương án cụ thể để PVN xem xét, quyết định.

+ Rà soát, đánh giá và trong trường hợp cần thiết đề xuất điều chỉnh phương án tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thực tế.

+ Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm tập trung nguồn lực cho hoạt động xây lắp tại các dự án.

- Công tác triển khai tại các công trình/ dự án

+ Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PETROCONs.

+ Quyết liệt thực hiện công tác quyết toán tại các công trình/ dự án đã hoàn thành công tác thi công như: dự án NMNĐ Thái Bình 2, các gói thầu dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình,...

- Công tác tiếp thị đấu thầu

+ Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,...

+ Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong ngành Dầu khí. Xác định rõ khả năng, vị trí của PETROCONs để tiếp cận các gói thầu phù hợp.

+ Hợp tác với các Tổng công ty xây dựng có thế mạnh trong nước, đồng thời hợp tác với các đối tác nước ngoài tạo sự cộng hưởng và tăng năng lực thực hiện dự án của PETROCONs.

- Công tác quản lý và khai thác tài sản

+ Tích cực bám sát, làm việc với các Ban/ ngành, tỉnh Tiền Giang thống nhất và thu hồi chi phí đầu tư dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp cho PVN/PETROCONS.

+ Thực hiện thẩm định giá khu đất Tam Đảo, xử lý nhận lại quyền sở hữu khu đất theo bản án và tìm kiếm đối tác chuyển nhượng/ hợp tác kinh doanh.

+ Tìm kiếm đối tác phù hợp để hợp tác kinh doanh phần diện tích đất còn lại hoặc phương án khác nhằm khai thác/sử dụng có hiệu quả nhất đối với diện tích còn lại tại dự án Xưởng cơ khí Miền Trung.

- Công tác tài chính kế toán

+ Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của PETROCONS trong năm 2024. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

+ Rà soát, đánh giá, đàm phán với các nhà thầu phụ nhằm giảm công nợ phải trả của PETROCONS trong quá trình thực hiện quyết toán với nhà thầu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và NMNĐ Sông Hậu 1.

+ Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

+ Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, thúc đẩy quyết toán các Hợp đồng tại dự án Nghi Sơn, dự án PVTex,... Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2024 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

+ Rà soát, đánh giá trách nhiệm của PETROCONS đối với các Thư bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị thành viên;

+ Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.

- Các công tác khác

+ Tiếp tục phối hợp/tham gia với Cơ quan chức năng có thẩm quyền, các bên Tư vấn Luật trong quá trình tổ tụng các vụ việc/vụ án tại các TAND các cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của PETROCONS.

+ Nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty trong công tác tổ chức, cán bộ, quy hoạch luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ.

+ Tiến hành rà soát, đánh giá phân loại cán bộ để thực hiện kiện toàn công tác tổ chức, điều động, luân chuyển cán bộ tại Công ty mẹ Tổng công ty và các

đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác tái cơ cấu Tổng công ty/ các đơn vị thành viên.

+ Tiếp tục xây dựng phương án đề xuất kiện toàn Người đại diện phần vốn và tiến hành kiện toàn Người đại diện tại các Đơn vị; Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các Đơn vị.

+ Thực hiện công tác quản lý, giám sát tình hình thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.

+ Tăng cường thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo chuyên sâu định hướng chuyên gia cho đội ngũ cán bộ làm công tác thiết kế, thi công công trình trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến vào việc thực hiện các dự án; Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu HĐQT

- Đến thời điểm hiện tại tại HĐQT PETROCONs bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs. Cụ thể như sau:

- Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 100.000.000 cổ phần.

- Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 60.000.000 cổ phần.

- Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, quản lý 14,47% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 57.873.333 cổ phần.

- 01 Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (không đại diện phần vốn): Ông Nguyễn Hoài Nam.

- 01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Ông Phạm Văn Khánh.

b. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị: PETROCONs không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, HĐQT họp 06 phiên họp thường kỳ và 99 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 42 Nghị quyết, 38 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONs. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2023 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 10/BC-XLKD ngày 24/01/2024 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	05/06	83%	Nghỉ phép và UQ cho UV.HĐQT
2	Ông Chu Thanh Hải	06/06	100%	
3	Ông Phạm Văn Khánh	06/06	100%	
4	Ông Nguyễn Hoài Nam	06/06	100%	
5	Ông Trần Hải Bằng	06/06	100%	

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2023, HĐQT đã cử các Thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình triển khai thực hiện công việc tại dự án trọng điểm Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2.

d. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

- Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2023:
 - + Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
 - + Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
 - + Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

e. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
1	Ông Nghiêm Quang Huy	<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên - Đào tạo tiền công vụ - Bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu - Bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và định giá xây 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐTCB Lê Hồng Phong - Học viện hành chính Quốc gia - Trung tâm đào tạo về quản lý - Trường cán 	<ul style="list-style-type: none"> Từ 24/6/2004 – 10/01/2005 -Từ 9/2005 – 12/2005 5/2006

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		<p>dựng trong lĩnh vực cầu đường</p> <p>- Tập huấn nghiệp vụ cho kỹ sư giao thông</p> <p>- Trung cấp lý luận chính trị - HCK112</p> <p>- Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP</p> <p>- Chương trình chuyển đổi số dành cho lãnh đạo QL nâng cao</p>	<p>bộ quản lý giao thông vận tải</p> <p>-Tổ chức JICA (Nhật Bản)</p> <p>- Trường CBQL Giao thông vận tải</p> <p>- Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)</p> <p>-Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)</p>	<p>11/2009</p> <p>9/2008</p> <p>- Từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021</p> <p>9/2022</p> <p>- 10-11/2023</p>
2	Ông Chu Thanh Hải	<p>- Giấy chứng nhận bồi dưỡng Kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước năm 2004</p> <p>- Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị-DCP</p> <p>- Quốc phòng an ninh đối tượng 2</p>	<p>-Học viện tài chính</p> <p>- Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)</p> <p>- Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng</p>	<p>Từ 10/5/2004 đến 26/6/2004</p> <p>11/2022</p> <p>-Tháng 10/2023</p>
3	Ông Nguyễn Hoài Nam	<p>- Chứng chỉ Đàm phán HĐ xây dựng, giải quyết xung đột và tranh chấp trong dự án xây dựng, xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả tại.</p> <p>- Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu nâng cao</p> <p>- Trung cấp lý luận chính trị</p>	<p>-Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.</p> <p>- Công ty CP CFTD sáng tạo</p> <p>-Đảng ủy khối doanh nghiệp TW - Trường cán bộ quản lý Giao thông vận tải</p>	<p>11/2006</p> <p>5/2013</p> <p>-Tháng 06/2020 đến tháng 02/2021</p>

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		- Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị - DCP	- Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	9/2022
4	Ông Trần Hải Bằng	- Chứng chỉ đào tạo khóa học “Quản trị doanh nghiệp” - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP - Lãnh đạo tầm vóc -Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động - Tổng quan về ESG - Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp Quản trị môi trường và xã hội (DCP-IESG)	- Công ty cổ phần đào tạo và công nghệ STEC - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) -Brainword Việt Nam -Đại học Fulbright Việt Nam -PVN và Trường Cao đẳng Dầu khí -Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	8/2022 11/2022 -Tháng 4,5,6/2023 -Tháng 2/2023 -Tháng 10/2023 - Tháng 10/2023

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

- + Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát
- + Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 30/6/2021).
- + Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 30/6/2021).

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2023, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, Ban Kiểm soát đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hoạt động SXKD) của Tổng công ty, nội dung thực hiện các công việc như sau:

+ Giám sát các hoạt động SXKD của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

+ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, HĐQT và Ban Tổng giám đốc PETROCONS thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc.

+ Tham gia các cuộc họp rà soát kết quả hoạt động SXKD quý/năm của PETROCONS.

+ Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của các đơn vị thành viên và các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính. Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại các đơn vị thành viên.

+ Hàng quý, Ban Kiểm soát ban hành các công văn gửi HĐQT, Tổng giám đốc PETROCONS đề nghị cung cấp kết quả hoạt động SXKD tại Công ty mẹ và toàn Tổng công ty để kiểm tra, giám sát đồng thời làm cơ sở lập báo cáo hàng quý/năm gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Thực hiện chức năng và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo các qui định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động PETROCONS, qui chế làm việc của Ban Kiểm soát là kiểm tra giám sát thường xuyên tại công ty mẹ, Ban Kiểm soát còn xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm để trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên thông qua và Ban Kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch của năm 2023 là thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại 03 đơn vị: Công ty Cổ phần Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC), Công ty CP Xây dựng dân dụng và lắp máy Dầu khí (PVC-IC), Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo của hoạt động SXKD và các báo cáo có liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT, Tổng giám đốc PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã xem xét, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Tổng công ty hàng quý/năm 2023 và việc thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Ban Kiểm soát Tổng công ty đã có văn bản số 860/XLDK-BKS ngày 11/4/2023 gửi cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về công tác thẩm định Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty mẹ năm 2022.

- Thực hiện theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, trong năm 2023, Ban Kiểm soát Tổng công ty đã tổ chức 02 cuộc họp diễn ra vào ngày 08/3/2023 và ngày 11/12/2023 với nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong Quý và

triển khai kế hoạch hoạt động Quý tiếp theo. Bên cạnh các cuộc họp, Ban Kiểm soát có trao đổi công việc thông qua hình thức email, điện thoại.

STT	Ngày tháng năm	Số thành viên tham gia	Nội dung	Kết quả
1	08/3/2023	3/3	Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2023.	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp
2	13/10/2023	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của Ban Kiểm soát. - Triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024.	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua.

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT TCT

- Tiền lương/thù lao của các thành viên HĐQT thực lĩnh trong năm 2023 là 2.096.281.896 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thực lĩnh năm 2023	Thực lĩnh năm 2022	Ghi chú
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	502.839.735	711.573.063	
2	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	469.833.370	337.050.000	
3	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	461.174.660	520.122.405	
4	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	431.149.130	627.780.716	
5	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	231.285.000	425.952.738	

Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2023 là: 352.665.932, đồng.

b. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương/thù lao của Ban Tổng giám đốc thực lĩnh trong năm 2023 là 2.155.452.151, đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2023	Ghi chú
1	Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc	580.148.335	
2	Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	497.083.200	
3	Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng giám đốc	85.347.000	
4	Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	484.725.812	
5	Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc	328.577.304	
6	Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	76.673.500	
7	Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng giám đốc	702.897.000	

c. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Kiểm soát

- Tiền lương/thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát thực lĩnh trong năm 2023 là 502.385.625 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực lĩnh năm 2023	Thực lĩnh năm 2022	Ghi chú
1	Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	432.185.625	601.207.456	
2	Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	35.100.000	32.400.000	
3	Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	35.100.000	32.400.000	

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023 là: 71.522.455, đồng.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:

Năm 2023, PETROCONS không có giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2023, Tổng công ty không có giao dịch với Người nội bộ.

3.4 Về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem tại mục 5, chương III – Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2023 của PETROCONS: đính kèm.

- Báo cáo tài chính riêng của PETROCONS năm 2023 sau kiểm toán xem tại website:

https://petrocons.vn/upload/img/files/2024/03/Bao%20cao%20tai%20chinh%20cong%20ty%20me%202023_1.PDF

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban KS (b/c);
- Người phụ trách quản trị kiêm thư ký TCT;
- Lưu VT, TCKT.



**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Quốc Hoàn

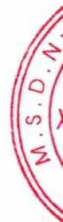


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)



Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 60
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 60



Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 tháng 2023)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 tháng 2023)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP DẦU KHÍ
VIỆT NAM

Trần Quốc Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 08 đến trang 60, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.005,33 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.503,17 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 787,77 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 1.063,22 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2023 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2023, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2023 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý IV năm 2023 chưa được kiểm toán (trong đó: Tại ngày 31/12/2023 Tổng tài sản là 15,65 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 192,9 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm lần lượt là 4,23 tỷ VND và âm 8,16 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
6. Tại ngày 31/12/2023, Công ty mẹ Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và 169,709 tỷ VND (dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được). Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2023 và tại ngày 31/12/2023 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
8. Tại ngày 31/12/2023, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty CP Dầu khí Đông Đô bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 57,97 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023: 61,21 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.
9. Tại ngày 31/12/2023, số dư khoản góp vốn của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) vào dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội" (Dự án Dolphin Plaza) là 27,2 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 27,2 tỷ VND) (Thuyết minh số 16). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản góp vốn đầu tư này hay không.

10. Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là 29,17 tỷ VND và 14,25 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là: 25,53 tỷ VND và 15,51 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 là 13,27 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

11. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi chưa thu thập được dự toán chi phí đã được Hội đồng quản trị Công ty này phê duyệt đối với các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của doanh thu, giá vốn mà Công ty này đã ghi nhận từ hai dự án này cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Các số liệu Công ty này đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cụ thể như sau:

Diễn giải	Lũy kế đến ngày 01/01/2023 VND	Trong năm VND	Lũy kế đến ngày 31/12/2023 VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2			
<i>Doanh thu</i>	798.164.456.646	19.862.921.914	818.027.378.560
<i>Giá vốn</i>	875.269.887.541	23.739.439.239	899.009.326.780
Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam			
<i>Doanh thu</i>	2.529.053.012.156	81.830.424.374	2.610.883.436.530
<i>Giá vốn</i>	2.553.716.068.756	134.272.868.266	2.687.988.937.022
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I			
<i>Doanh thu</i>	68.241.835.342	1.771.439.032	70.013.274.374
<i>Giá vốn</i>	84.136.839.260	1.771.439.032	85.908.278.292

12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này đã trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nguyên giá là 15.166.470.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 6.074.334.707 VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

13. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): gói thầu "Thi công 02 chân đế JA&KA thuộc Dự án phát triển mỏ Gallaf 3" đã hoàn thành trong năm 2023, Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn theo kết quả quyết toán vào kết quả kinh doanh năm 2023 với giá trị lần lượt là 55,37 tỷ VND và 120 tỷ VND; lỗ gộp là 64,63 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty không cung cấp được đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá được sự phù hợp về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công trình này đã trích lập trên Báo cáo tài chính năm trước, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

14. Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,897 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

15. Tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị cùng là: 11,67 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 là 106,22 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các báo cáo tài chính này.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.715.401.378.806	5.170.090.784.717
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	315.530.103.712	561.632.676.583
111	1. Tiền		249.067.219.323	374.444.507.393
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.462.884.389	187.188.169.190
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	311.127.549.041	271.344.315.068
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		310.112.549.041	270.329.315.068
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.010.762.321.383	2.266.520.235.339
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.778.603.348.159	2.048.572.941.392
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	580.598.469.744	583.279.284.527
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	356.277.576.669
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	399.325.071.226	378.392.726.266
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.104.319.216.689)	(1.100.879.988.965)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		877.695.450	877.695.450
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.928.609.601.351	1.944.523.515.637
141	1. Hàng tồn kho		2.073.825.706.264	2.106.988.854.021
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(145.216.104.913)	(162.465.338.384)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		149.371.803.319	126.070.042.090
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.138.799.066	4.435.304.412
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		111.859.213.274	86.280.932.151
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	35.373.790.979	35.353.805.527

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.498.227.890.963	1.515.875.875.936
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		31.713.977.662	24.647.144.775
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	12.485.376.511	12.485.376.511
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	31.414.369.209	33.560.998.047
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(12.185.768.058)	(21.399.229.783)
220	II. Tài sản cố định		1.011.122.079.780	1.040.739.070.967
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	752.911.097.840	780.755.945.661
222	- Nguyên giá		1.648.521.708.443	1.632.216.023.937
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(895.610.610.603)	(851.460.078.276)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	258.210.981.940	259.983.125.306
228	- Nguyên giá		284.392.878.902	288.905.440.726
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.181.896.962)	(28.922.315.420)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	77.965.780.369	81.301.732.065
231	- Nguyên giá		101.148.289.217	108.717.372.483
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.182.508.848)	(27.415.640.418)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	136.725.481.822	137.259.386.266
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		25.064.213.539	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		111.661.268.283	112.195.172.727
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	69.717.480.211	70.483.753.787
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		33.113.367.012	33.869.362.777
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		206.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(169.708.886.801)	(169.698.608.990)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		170.983.091.119	161.444.788.076
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	111.621.834.406	103.978.597.428
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	19.230.752.273	17.335.686.208
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	40.130.504.440	40.130.504.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.213.629.269.769	6.685.966.660.653

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.686.992.765.922	5.894.478.674.203
310	I. Nợ ngắn hạn		5.503.169.045.805	5.704.234.711.045
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.340.526.731.717	3.326.153.177.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	213.715.212.808	192.884.279.788
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	122.243.739.620	140.104.925.637
314	4. Phải trả người lao động		58.835.792.162	56.106.585.285
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	451.822.676.931	609.291.339.401
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	3.181.130.462	2.903.820.933
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	587.654.331.570	575.967.531.145
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	729.443.048.917	801.059.519.538
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	-	2.616.500.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.253.618.382)	(2.852.968.382)
330	II. Nợ dài hạn		183.823.720.117	190.243.963.158
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	71.310.452.285	71.389.452.285
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	52.375.689.485	53.919.875.653
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	1.649.775.187	1.688.588.636
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	38.000.000.000	50.608.800.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	24	20.487.803.160	12.637.246.584
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		526.636.503.847	791.487.986.450
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	526.636.503.847	791.487.986.450
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	2.162.412.232
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.005.332.783.992)	(3.847.827.273.370)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.845.710.214.787)	(3.894.840.357.730)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(159.622.569.205)	47.013.084.360
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		351.392.991.901	456.810.200.076
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.213.629.269.769	6.685.966.660.653



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng






Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.189.720.911.616	1.782.910.460.622
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.189.720.911.616	1.782.910.460.622
11	3. Giá vốn hàng bán	28	1.284.156.315.702	1.652.383.999.528
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(94.435.404.086)	130.526.461.094
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	29	41.635.334.682	30.550.391.298
22	6. Chi phí tài chính	30	71.090.156.881	59.030.921.100
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		41.107.144.907	39.156.039.609
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(755.995.765)	-
25	8. Chi phí bán hàng		427.626.451	396.214.181
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	126.121.618.228	94.198.869.411
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(251.195.466.729)	7.450.847.700
31	11. Thu nhập khác	32	7.357.209.444	8.098.801.306
32	12. Chi phí khác	33	23.277.496.839	12.848.700.835
40	13. Lợi nhuận khác		(15.920.287.395)	(4.749.899.529)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(267.115.754.124)	2.700.948.171
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	697.942.245
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34	(1.895.066.065)	(924.657.952)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(265.220.688.059)</u>	<u>2.927.663.878</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(159.622.569.205)	47.013.084.360
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(105.598.118.854)	(44.085.420.482)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(399)	118


Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(267.115.754.124)	2.700.948.171
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		43.987.463.802	47.727.791.829
03	- Các khoản dự phòng		(17.779.133.085)	(23.258.217.338)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		254.169.100	8.211.659.911
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(24.241.047.444)	(22.606.632.315)
06	- Chi phí lãi vay		41.107.144.907	39.156.039.609
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(223.787.156.844)	51.931.589.867
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		223.360.408.047	247.603.924.443
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		24.137.884.628	(233.223.111.337)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(160.202.718.176)	157.594.491.979
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.346.731.632)	(4.879.295.156)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.019.012.743)	(27.812.158.031)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(782.987.045)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.270.000.000	13.503.700.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.931.160.581)	(14.598.860.610)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(145.518.487.301)	189.337.294.110
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(860.405.861)	(5.351.830.071)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	6.909.543.622
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(69.298.960.000)	(35.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		30.116.349.203	71.129.178.914
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.339.855.288
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.680.592.035	11.664.561.044
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.362.424.623)	53.691.308.797

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		146.549.402.895	402.179.809.523
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(230.774.673.516)	(469.640.838.357)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(84.225.270.621)	(67.461.028.834)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(246.106.182.545)	175.567.574.073
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		561.632.676.583	389.565.231.203
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.609.674	(3.500.128.693)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	315.530.103.712	561.632.676.583



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 229 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Việc áp dụng tỷ lệ lỗ gộp trên được thực hiện bắt đầu từ đầu năm 2022 và chênh lệch giá vốn lũy kế do áp dụng tỷ lệ lỗ gộp cũ (là 1,28%) đã được hạch toán điều chỉnh vào chỉ tiêu Giá vốn hàng bán năm 2022, đồng thời ở Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí 9 (công ty con) có lãi gộp giảm mạnh do quyết toán Gói thầu A2 Kho chứa và các đường ống dẫn liên kết thuộc Tổ hợp Hoá dầu Long Sơn. Điều này là nguyên nhân khiến cho tỷ lệ lãi gộp năm nay giảm mạnh so với năm trước. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính với khoản đầu tư dài hạn khác khiến chi phí tài chính giảm mạnh. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm nay bị lỗ 265,22 tỷ VND, trong khi năm trước có lãi hơn 2,92 tỷ VND.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.005,33 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 3.847,83 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.503,17 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 787,77 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 5.704,23 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 534,14 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 1.063,22 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 859,31 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ

phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Hàng năm, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết năm báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	3 - 5 năm

2.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 38 năm
--------------------------	-------------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.16 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

- Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010

2.17 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.25 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.26 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực)), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	4.222.971.623	3.827.669.003
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.844.247.700	370.616.838.390
Các khoản tương đương tiền (i)	66.462.884.389	187.188.169.190
	315.530.103.712	561.632.676.583

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 66.462.884.389 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8 %/năm đến 4,5 %/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	310.112.549.041	-	270.329.315.068	-
	310.112.549.041	-	270.329.315.068	-

(i) Tại ngày 31/12/2023, các đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 310.112.549.041 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4 %/năm đến 7,3 %/năm.

Trong đó:

- Các khoản tiền với giá trị là 205.522.960.000 VND đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (Xem thuyết minh 23);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
- Khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	14.900.000.000	(13.885.000.000)	14.900.000.000	(13.885.000.000)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Mã CK	Địa chỉ	31/12/2023			01/01/2023		
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			%	%	VND	%	%	VND
Đầu tư vào công ty liên kết					33.113.367.012			33.869.362.777
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00%	44,00%	-	44,00%	44,00%	-
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98%	49,98%	-	49,98%	49,98%	-
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64%	22,64%	-	22,64%	22,64%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	-	24,72%	24,72%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46%	42,46%	31.413.604.516	42,46%	42,46%	32.169.600.281
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		Hà Nội	97,22%	35,05%	1.699.762.496	97,22%	35,05%	1.699.762.496
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83%	35,83%	-	35,83%	35,83%	-
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00%	40,00%	-	40,00%	40,00%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01%	43,16%	-	35,01%	43,16%	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	-	48,27%	48,27%	-
					33.113.367.012			33.869.362.777

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31/12/2023 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày 31/12/2023, giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Tổng Công ty đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị thu thập được tại thời điểm gần nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong năm: Chi tiết xem tại Thuyết minh 41.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND		VND	VND	VND	
Đầu tư vào đơn vị khác								
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000		(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000		(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	23.500.000.000		(11.288.806.120)	15,67% (*)	23.500.000.000		(11.288.806.120)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000		(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000		(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000		-	3,99%	3.000.000.000		-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000		-	5,00%	2.795.000.000		-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000		-	10,00%	2.500.000.000		-	10,00%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000		(5.400.000.000)	7,25%	5.400.000.000		(5.400.000.000)	7,25%
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000		(4.231.833.881)		9.318.000.000		(4.221.556.070)	
	206.313.000.000	-	(169.708.886.801)		206.313.000.000	-	(169.698.608.990)	

(ii) Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và khoảng 169,709 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: khoảng là 206,31 tỷ VND và khoảng 169,698 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2022 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương") mà hiện nay cũng đang là chủ thể đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất nêu trên.

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Tổng Công ty đã thống nhất với Mai Phương để thuê tổ chức độc lập thực hiện định giá lô đất và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Xây lắp
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây lắp
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Nam Định	5,00%	5,00%	Xây lắp
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.371.328.933.805	(173.174.086.828)	1.529.249.371.723	(172.640.881.092)
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	(4.011.796.202)	5.546.942.139	(4.011.796.202)
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.054.967.889.619	-	1.204.629.943.300	-
Viện Dầu khí Việt Nam	42.686.383.664	(747.531.048)	32.854.230.083	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	49.889.130.241	-	49.889.130.241	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.451.422.013	(91.451.422.013)	91.683.988.145	(91.665.699.713)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.291.878.505	(23.291.878.505)	23.293.447.505	(23.291.878.505)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	41.635.737.524	(14.648.480.719)	48.467.434.602	(13.900.997.283)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	40.631.752	-	1.487.184.270	-
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	-	-	4.315.066	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.927	(9.446.793.927)	9.446.793.927	(9.446.793.927)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	-	9.573.838.024	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Bên khác	407.274.414.354	(125.104.654.618)	519.323.569.669	(121.505.144.805)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	90.555.700.071	-	108.813.094.137	-
Các đối tượng khác	316.718.714.283	(125.104.654.618)	410.510.475.532	(121.505.144.805)
	1.778.603.348.159	(298.278.741.446)	2.048.572.941.392	(294.146.025.897)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	272.124.069.091	(195.293.398.227)	248.175.290.279	(195.293.398.227)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	(47.905.728.732)	54.324.395.257	(47.905.728.732)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	12.377.571.689	(11.617.459.964)	12.377.571.689	(11.617.459.964)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	50.693.297.207	(26.744.518.395)	26.744.518.395	(26.744.518.395)
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
<i>Bên khác</i>	308.474.400.653	(139.003.459.391)	335.103.994.248	(139.003.459.397)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Các đối tượng khác	195.087.520.912	(121.147.301.754)	221.717.114.507	(121.147.301.760)
	580.598.469.744	(334.296.857.618)	583.279.284.527	(334.296.857.624)
b) Dài hạn				
<i>Bên khác</i>	12.485.376.511	(12.185.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)
Các đối tượng khác	12.485.376.511	(12.185.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)
	12.485.376.511	(12.185.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	16.922.614.402	(5.461.481.792)	-	600.623.176	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	356.277.576.669	(269.172.594.062)	-	600.623.176	355.676.953.493	(269.172.594.052)

(i) Các khoản phải thu về cho vay bao gồm:

- Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;
- Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank, thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.927.020.063	-	1.509.803.315	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	33.656.335.841	(2.314.861.215)	32.027.812.876	(1.575.197.044)
Ký cược, ký quỹ	2.877.906.083	-	3.354.953.304	-
Phải thu khác	353.112.819.239	(193.505.172.348)	334.749.166.771	(194.938.324.348)
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	103.642.031.545	(27.733.568.215)	98.342.190.862	(28.298.568.215)
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Phải thu các đội xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
- Các đối tượng khác	158.548.872.975	(75.291.155.264)	145.485.061.190	(76.159.307.264)
	399.325.071.226	(202.571.023.563)	378.392.726.266	(203.264.511.392)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	24.600.907.484	-	24.347.536.322	-
Phải thu khác	6.813.461.725	-	9.213.461.725	(9.213.461.725)
- Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	6.813.461.725	-	9.213.461.725	(9.213.461.725)
	31.414.369.209	-	33.560.998.047	(9.213.461.725)
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	33.204.502.135	(62.118.449)	30.967.883.260	(62.118.449)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	45.288.741.083	(6.138.310.290)	41.955.665.851	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ	2.155.023.952	-	1.859.877.376	-
- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	(2.008.154.052)	2.469.138.586	(2.008.154.052)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	955.614.239	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	265.370.827	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
	176.423.966.478	(80.185.015.820)	168.059.940.518	(80.185.015.820)

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 38).

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.609.114.167	-	208.674.045.832	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	155.516.145.687	-	155.516.145.687	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	44.766.872.297	13.993.969.679	42.875.884.022	12.249.841.663
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.739.518.828	-	75.739.518.828	41.510.769
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.539.737.388	-	55.539.737.388	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	46.748.000.242	-	46.748.000.242	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	59.191.781.536	6.714.619.343	59.191.781.536	6.714.619.343
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Vinaconex 39	35.925.998.583	1.057.959.818	35.925.998.583	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty CP Hasky	8.000.000.000	-	9.300.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	-	-	9.213.461.725	-
Đối tượng khác	203.980.164.430	30.475.750.770	199.328.183.249	30.439.557.950
	1.244.492.099.354	127.987.114.607	1.248.527.523.288	126.248.304.540

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.381.458.734	(3.249.102.270)	9.466.242.497	(2.895.561.226)
Công cụ, dụng cụ	5.316.250.080	(126.922.432)	4.811.707.179	(126.922.432)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.000.581.148.008	(126.643.454.088)	2.010.806.910.006	(137.538.417.998)
(i)				
Hàng hoá (ii)	61.546.849.442	(15.196.626.123)	81.903.994.339	(21.904.436.728)
	2.073.825.706.264	(145.216.104.913)	2.106.988.854.021	(162.465.338.384)

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.466.587.845.156	1.347.940.268.086
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	32.986.594.500	33.241.702.671
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	108.261.716.656	109.036.396.783
Dự án Hóa dầu Long Sơn	-	136.520.427.495
Các công trình khác	147.687.123.228	139.010.246.503
	2.000.581.148.008	2.010.806.910.006

(*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lương hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2023 và 31/12/2023 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	591.987.049	1.464.504.313
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.546.812.017	2.970.800.099
	2.138.799.066	4.435.304.412
b) Dài hạn		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	80.035.871.604	82.128.431.700
Chi phí thuê văn phòng	6.777.404.290	9.429.571.835
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.812.380.793	9.747.276.803
Chi phí sửa chữa tài sản	6.490.156.446	371.730.111
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.506.021.273	2.301.586.979
	111.621.834.406	103.978.597.428

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.146.027.819.526	336.467.528.443	120.591.251.826	29.129.424.142	1.632.216.023.937
- Mua trong kỳ	1.843.147.800	-	-	38.990.000	1.882.137.800
- Phân loại lại	21.001.346.395	-	-	-	21.001.346.395
- Giảm khác	(222.052.460)	-	-	-	(222.052.460)
- Thanh lý, nhượng bán	(4.461.355.178)	(621.729.990)	-	(1.272.662.061)	(6.355.747.229)
Số dư cuối năm	1.164.188.906.083	335.845.798.453	120.591.251.826	27.895.752.081	1.648.521.708.443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	407.345.793.865	295.630.056.740	119.726.723.179	28.757.504.492	851.460.078.276
- Khấu hao trong năm	27.045.875.711	12.296.521.095	968.990.107	175.777.693	40.487.164.606
- Phân loại lại	9.603.192.656	-	-	-	9.603.192.656
- Tăng khác	415.922.294	-	-	-	415.922.294
- Thanh lý, nhượng bán	(4.461.355.178)	(621.729.990)	-	(1.272.662.061)	(6.355.747.229)
Số dư cuối năm	439.949.429.348	307.304.847.845	120.695.713.286	27.660.620.124	895.610.610.603
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	738.682.025.661	40.837.471.703	864.528.647	371.919.650	780.755.945.661
Tại ngày cuối năm	724.239.476.735	28.540.950.608	(104.461.460)	235.131.957	752.911.097.840

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 348.134.184.482 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 350.281.260.846 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 427.227.389.180 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 384.970.486.236 VND)

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	269.334.148.344	19.571.292.382	288.905.440.726
- Mua trong năm	-	1.889.920.000	1.889.920.000
- Do phân loại lại	(4.407.000.000)	-	(4.407.000.000)
- Giảm khác	(1.995.481.824)	-	(1.995.481.824)
Số dư cuối năm	262.931.666.520	21.461.212.382	284.392.878.902
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.616.222.667	19.306.092.753	28.922.315.420
- Khấu hao trong năm	854.368.608	360.769.502	1.215.138.110
- Do phân loại lại	(3.084.900.000)	-	(3.084.900.000)
- Giảm khác	(870.656.568)	-	(870.656.568)
Số dư cuối năm	6.515.034.707	19.666.862.255	26.181.896.962
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	259.717.925.677	265.199.629	259.983.125.306
Tại ngày cuối năm	256.416.631.813	1.794.350.127	258.210.981.940

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 19.571.292.382 VND (tại ngày 01/01/2023 là 18.682.615.582 VND).

- (i) Bao gồm trong đó giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 07 năm 2008 với nguyên giá 15.166.470.000 VND và giá trị còn lại tại 31/12/2023 là 9.092.135.293 VND.

Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2014. Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Tổng Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Giá trị tài sản là phần diện tích khu văn phòng cho thuê nêu trên đang được Tổng Công ty trình bày trên khoản mục tài sản cố định hữu hình với giá trị là 15.166.470.000 VND và bất động sản đầu tư với giá trị là 37.885.895.556 VND.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	108.717.372.483	108.717.372.483
- Phân loại lại	(7.569.083.266)	(7.569.083.266)
Số dư cuối năm	101.148.289.217	101.148.289.217
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	27.415.640.418	27.415.640.418
- Khấu hao trong năm	2.285.161.086	2.285.161.086
- Tăng do phân loại lại	(6.518.292.656)	(6.518.292.656)
Số dư cuối năm	23.182.508.848	23.182.508.848
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	81.301.732.065	81.301.732.065
Tại ngày cuối năm	77.965.780.369	77.965.780.369

Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 54.001.414.669 VND (tại ngày 01/01/2023 là 70.299.807.229 VND)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.922.605.745	2.210.996.386	7.922.605.745	2.210.996.386
	71.643.835.139	25.064.213.539	71.643.835.139	25.064.213.539

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	2.759.656.114	3.293.560.558
	111.661.268.283	112.195.172.727

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza (i)	27.233.304.440	27.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000
	40.130.504.440	40.130.504.440

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID với tổng giá trị vốn góp khoảng 51,1 tỷ VND. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Tại ngày 18 tháng 01 năm 2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 với Công ty Cổ phần TID để rút một phần vốn đã góp với giá trị khoảng 14 tỷ VND khỏi dự án. Tỷ lệ tham gia góp vốn của PVC-Đông Đô vào dự án này sau khi rút một phần vốn giảm từ 19% xuống còn 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFCLAND ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m² trị giá khoảng 3,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Ngày 23/12/2022, Công ty đã nhận 3 căn hộ trị giá 9.867.235.294 VND theo biên bản thỏa thuận về xử lý nghĩa vụ thanh toán số 5010-3/2022/ĐĐ-HP-TID, 5000-3/2022/ĐĐ-HP-TID và 4990-1/2022/ĐĐ-HP-TID ngày 23/12/2022. Giá trị 3 căn hộ này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	363.884.800.571	363.884.800.571	365.353.195.711	365.353.195.711
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	9.868.980	9.868.980	9.868.980	9.868.980
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	11.660.000	11.660.000	11.660.000	11.660.000
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	7.653.351.367	7.653.351.367	8.829.246.507	8.829.246.507
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.207.065.265	177.207.065.265	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.699.700.035	60.699.700.035	61.149.700.035	61.149.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	223.766.591	223.766.591	223.766.591	223.766.591
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Bên khác	2.976.641.931.146	2.976.641.931.146	2.960.799.981.989	2.960.799.981.989
Công ty Công nghiệp Daelim	1.021.927.357.960	1.021.927.357.960	952.693.445.386	952.693.445.386
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	290.662.562.403	290.662.562.403	367.417.252.017	367.417.252.017
Tập đoàn Sojitz	139.552.763.255	139.552.763.255	135.609.626.210	135.609.626.210
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	111.729.842.747	111.729.842.747	122.612.404.794	122.612.404.794
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
Các đối tượng khác	1.351.790.448.867	1.351.790.448.867	1.321.488.297.668	1.321.488.297.668
	3.340.526.731.717	3.340.526.731.717	3.326.153.177.700	3.326.153.177.700
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Phải trả cho các đối tượng khác	408.935.840.838	408.935.840.838	202.041.116.656	202.041.116.656
	408.935.840.838	408.935.840.838	202.041.116.656	202.041.116.656

(i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 38).

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	108.560.908.084	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	25.782.432.185	-
<i>Bên khác</i>	105.154.304.724	110.105.803.889
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.897.285.149	50.009.054.320
Các đối tượng khác	31.644.080.275	42.483.810.269
	<u>213.715.212.808</u>	<u>192.884.279.788</u>

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	66.702.030.166	18.565.836.877	27.727.312.832	30.465.765	57.540.554.211
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	28.187.342	28.187.342	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.244.408.046	7.286.427.819	(344.780.574)	5.197.485.714	35.244.408.046	1.744.161.531
Thuế thu nhập cá nhân	58.893.293	4.868.221.143	4.345.326.434	4.126.075.285	78.878.745	5.107.457.744
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	11.281.690.180	7.907.052.363	5.702.507.715	-	13.486.234.828
Các loại thuế khác	-	4.297.218.420	9.218.551.191	12.136.847.011	-	1.378.922.600
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	783.720	45.669.337.909	1.330.845.482	4.013.774.685	783.720	42.986.408.706
	35.353.805.527	140.104.925.637	41.051.019.115	58.932.190.584	35.373.790.979	122.243.739.620

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	172.754.276.659	145.768.522.939
Trích trước chi phí công trình xây lắp	256.446.230.095	448.371.519.200
Chi phí phải trả khác	22.622.170.177	15.151.297.262
	451.822.676.931	609.291.339.401
b) Dài hạn		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	71.310.452.285	71.389.452.285
	71.310.452.285	71.389.452.285

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	3.181.130.462	2.903.820.933
	3.181.130.462	2.903.820.933
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	52.080.093.597	53.527.935.149
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	295.595.888	391.940.504
	52.375.689.485	53.919.875.653

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 15) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	10.545.587.233	10.544.546.393
Bảo hiểm xã hội	9.746.256.579	10.383.067.010
Bảo hiểm y tế	1.559.849.946	1.699.347.573
Bảo hiểm thất nghiệp	840.643.598	832.477.637
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.736.317.506	1.137.275.182
Cổ tức lợi nhuận phải trả	41.546.662.078	41.546.662.078
Các khoản phải trả, phải nộp khác	520.661.884.493	509.807.025.135
- Chi phí lãi vay	3.927.276.443	4.021.425.275
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	162.596.140.733	152.399.613.457
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (iv)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Phí bảo trì chung cư phải trả	10.727.767.930	12.988.963.930
- Các quỹ ủng hộ	3.914.284.784	3.954.284.784
- Các khoản khác	97.455.170.601	94.401.493.687
	587.654.331.570	575.967.531.145
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.599.775.187	1.628.790.587
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.000.000	59.798.049
	1.649.775.187	1.688.588.636
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Bảo hiểm xã hội	9.206.362.585	5.968.030.599
- Bảo hiểm y tế	689.412.985	884.199.511
- Bảo hiểm thất nghiệp	130.903.714	271.012.442
- Cổ tức phải trả	44.335.430.209	45.418.243.801
- Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
	55.696.928.278	53.876.305.138
d) Trong đó: Bên liên quan		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
	112.796.151.136	112.796.151.136

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 38.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 23. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iv) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

23 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Vay ngắn hạn	182.734.757.403	182.734.757.403	146.549.402.895	227.020.748.503	102.263.411.795	102.263.411.795
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	618.324.762.135	618.324.762.135	12.608.800.000	3.753.925.013	627.179.637.122	627.179.637.122
	801.059.519.538	801.059.519.538	159.158.202.895	230.774.673.516	729.443.048.917	729.443.048.917
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	668.933.562.135	668.933.562.135	-	3.753.925.013	665.179.637.122	665.179.637.122
	668.933.562.135	668.933.562.135	-	3.753.925.013	665.179.637.122	665.179.637.122
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (618.324.762.135)	(618.324.762.135)	(618.324.762.135)	(12.608.800.000)	(3.753.925.013)	(627.179.637.122)	(627.179.637.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	50.608.800.000	50.608.800.000			38.000.000.000	38.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
Vay ngắn hạn						102.263.411.795	182.734.757.403
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	22.921.891.805	24.168.155.863
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Thả nổi	11 tháng	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	67.265.907.564	110.411.790.312
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	VND	Thả nổi	1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp	1.705.612.426	35.983.447.529
Đối tượng khác	VND	(*)	1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	10.370.000.000	12.171.363.699
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						627.179.637.122	618.324.762.135
						729.443.048.917	801.059.519.538

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 22.541.829.915 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 24.168.155.863 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương						575.670.157.122	579.221.082.135
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	Năm 2017	Đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	200.000.000.000	200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	Năm 2017	Vay đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	Năm 2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	314.221.082.135
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam						89.295.080.000	89.295.080.000
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB ngày 04/06/2015	VND	Thả nổi	Năm 2027	Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	89.295.080.000	89.295.080.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	VND	11,00%	Năm 2024	Đầu tư mua máy móc thiết bị	Thế chấp	214.400.000	417.400.000
						665.179.637.122	668.933.562.135
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(627.179.637.122)	(618.324.762.135)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						38.000.000.000	50.608.800.000

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank, thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả khác	-	2.616.500.000
	<u>-</u>	<u>2.616.500.000</u>
b) Dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	20.487.803.160	12.637.246.584
	<u>20.487.803.160</u>	<u>12.637.246.584</u>

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.889.882.234.085)	498.035.469.318	790.658.294.977
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	47.013.084.360	(44.085.420.482)	2.927.663.878
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(4.958.123.645)	2.860.151.240	(2.097.972.405)
Số dư cuối năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.847.827.273.370)	456.810.200.076	791.487.986.450
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.847.827.273.370)	456.810.200.076	791.487.986.450
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(159.622.569.205)	(105.598.118.854)	(265.220.688.059)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	188.294.777	180.910.679	369.205.456
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.005.332.783.992)	351.392.991.901	526.636.503.847

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
Cộng	4.000.000.000.000	100%	4.000.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	2.162.412.232
	151.093.076.240	153.021.840.046

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
USD	8.454.808,97	12.030.160,63

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001

27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	8.520.111.090
Doanh thu cung cấp dịch vụ	187.503.077.524	95.137.490.377
Doanh thu hoạt động xây lắp	967.986.570.566	1.650.410.279.760
Doanh thu khác	34.231.263.526	28.842.579.395
	<u>1.189.720.911.616</u>	<u>1.782.910.460.622</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.189.720.911.616</u>	<u>1.782.910.460.622</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	745.929.996.148	1.210.802.429.954

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hoá bất động sản	-	4.360.776.854
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	184.289.184.998	89.550.683.928
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.078.600.437.753	1.528.342.062.229
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.249.233.471)	23.475.053.406
Giá vốn khác	38.515.926.422	6.655.423.111
	<u>1.284.156.315.702</u>	<u>1.652.383.999.528</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	2.172.748.009	12.809.545.580

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.680.592.035	18.393.741.717
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.981.770.251	12.156.649.581
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	989.954.564	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.983.017.832	-
	<u>41.635.334.682</u>	<u>30.550.391.298</u>

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	41.107.144.907	39.156.039.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.331.501.488	1.640.947.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.244.123.664	8.211.659.911
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	10.277.811	3.000.000.000
Chi phí tài chính khác	6.397.109.011	7.022.274.446
	71.090.156.881	59.030.921.100

Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

	26.935.872.213	19.627.749.158
--	----------------	----------------

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	776.127.427	958.772.645
Chi phí nhân công	81.261.380.797	71.966.880.523
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	856.022.546	549.969.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.966.898.563	6.847.655.922
Thuế, phí và lệ phí	6.863.980.032	7.514.740.729
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(4.280.392.869)	(30.817.071.440)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.990.247.864	20.338.246.706
Chi phí khác bằng tiền	21.687.353.868	16.839.674.933
Lợi thế thương mại	-	-
	126.121.618.228	94.198.869.411

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

	121.800.000	101.454.545
--	-------------	-------------

32 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.316.451.174	4.212.890.598
Tiền phạt được hưởng	1.720.549.012	498.719.303
Thu tiền bồi thường	314.006.687	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.616.500.000	-
Thu nhập khác	1.389.702.571	3.387.191.405
	7.357.209.444	8.098.801.306

33 CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	193.972.256	7.409.007.218
Các khoản bị phạt	3.925.687.952	-
Các khoản khác	19.157.836.631	5.439.693.617
	<u>23.277.496.839</u>	<u>12.848.700.835</u>

34 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	19.230.752.273	17.335.686.208
	<u>19.230.752.273</u>	<u>17.335.686.208</u>

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.895.066.065)	(924.657.952)
	<u>(1.895.066.065)</u>	<u>(924.657.952)</u>

35 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế	(159.622.569.205)	47.013.084.360
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(159.622.569.205)	47.013.084.360
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(399)</u>	<u>118</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.609.132.754	165.438.554.760
Chi phí nhân công	276.686.362.494	322.069.408.109
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.864.053.579	636.469.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.987.463.802	48.198.934.827
Thuế, phí và lệ phí	4.717.944.623	3.729.928.526
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(5.774.234.001)	(36.678.678.543)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.341.596.615	1.375.395.539.184
Chi phí khác bằng tiền	42.578.197.418	115.421.272.599
	<u>1.418.010.517.284</u>	<u>1.994.211.428.943</u>

37 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	146.549.402.895	402.179.809.523

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	230.774.673.516	469.640.838.357

38 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngày sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- (i) Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoản 91 tỷ VND;
- (ii) Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoản 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty tại thư bảo lãnh cho công ty CP xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank.

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng công ty cam kết và bảo đảm với Tổng công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVE.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

- (i) Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối;
- (ii) Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

39 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban tổng giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

40 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	745.929.996.148	1.210.802.429.954
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	735.572.194.711	1.208.301.648.770
Viện Dầu khí Việt Nam	8.938.321.437	(7.716.397)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	1.073.570.914
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.419.480.000	1.434.926.667
Mua hàng hóa dịch vụ	29.230.420.222	32.538.749.283
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.172.748.009	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	12.809.545.580
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	4.200.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	26.935.872.213	19.627.749.158
Viện Dầu khí Việt Nam	117.600.000	101.454.545

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hội đồng quản trị		2.258.749.896	2.622.478.923
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	543.276.735	711.573.063
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	249.555.000	337.050.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	504.420.370	520.122.405
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	465.736.130	627.780.716
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	495.761.660	425.952.738
Ban Tổng Giám đốc		2.155.452.151	2.867.428.893
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2024	-	-
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2024	580.148.335	578.334.951
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	497.083.200	692.554.114
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	484.725.812	649.484.639
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 26/01/2022	-	110.006.864
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	85.347.000	54.000.000
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/10/2023	76.673.500	-
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/11/2023	102.897.000	54.000.000
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/07/2023	328.577.304	729.048.325
Ban Kiểm soát		502.385.625	666.007.456
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	432.185.625	601.207.456
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát	35.100.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	35.100.000	32.400.000

42 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ theo việc hồi tố tiền truy thu thuế tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. Theo đó một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	
a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	125.972.934.807	140.104.925.637	14.131.990.830
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(3.887.633.042.407)	(3.894.840.357.730)	(7.207.315.323)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	463.734.875.583	456.810.200.076	(6.924.675.507)



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

